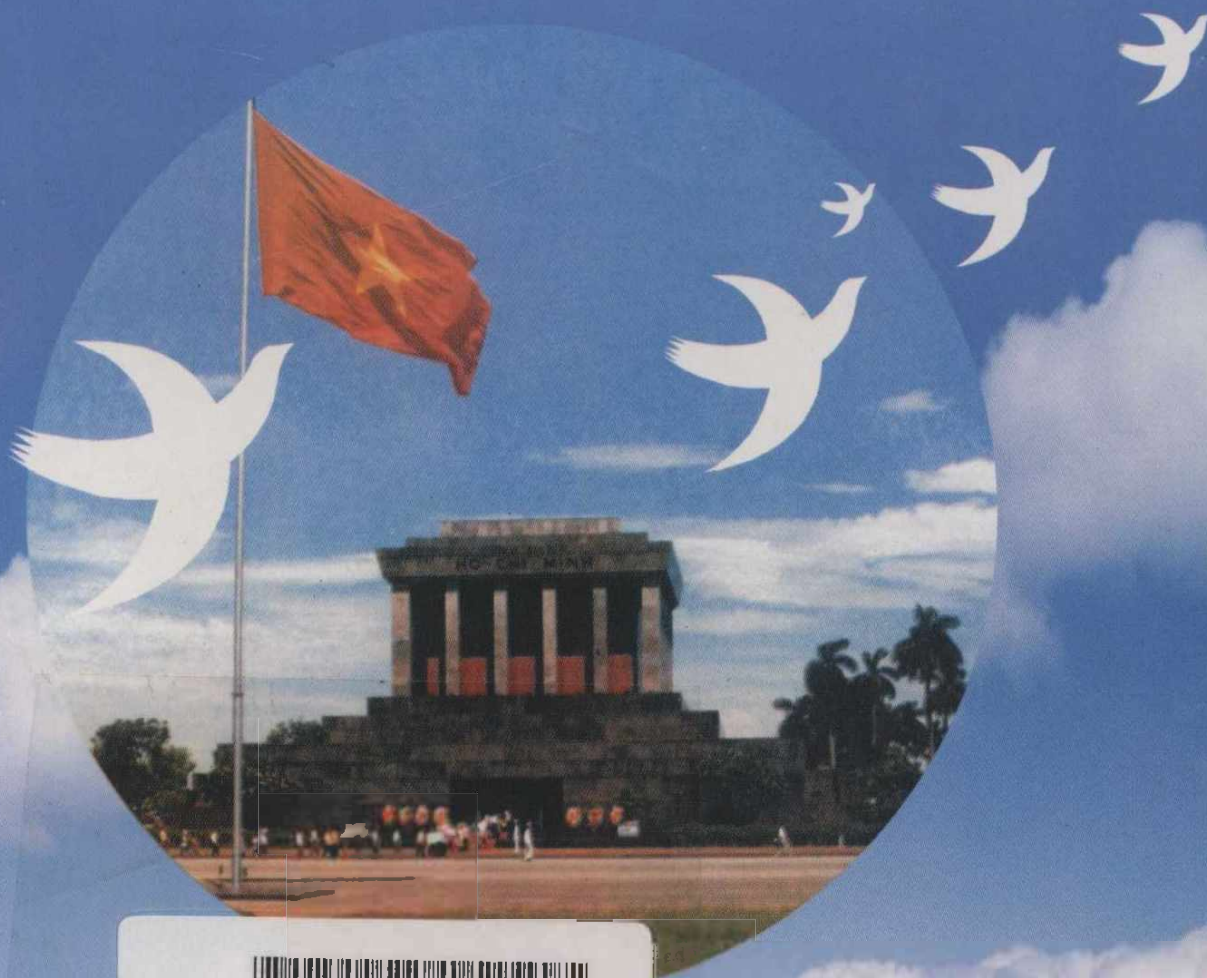
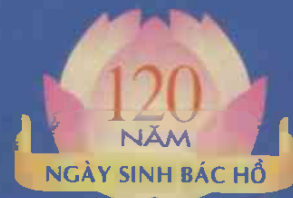


Lăng BÁC HỒ

TÔ HOÀI



DC.036085

Lăng Bác Hồ

833.922.803

T

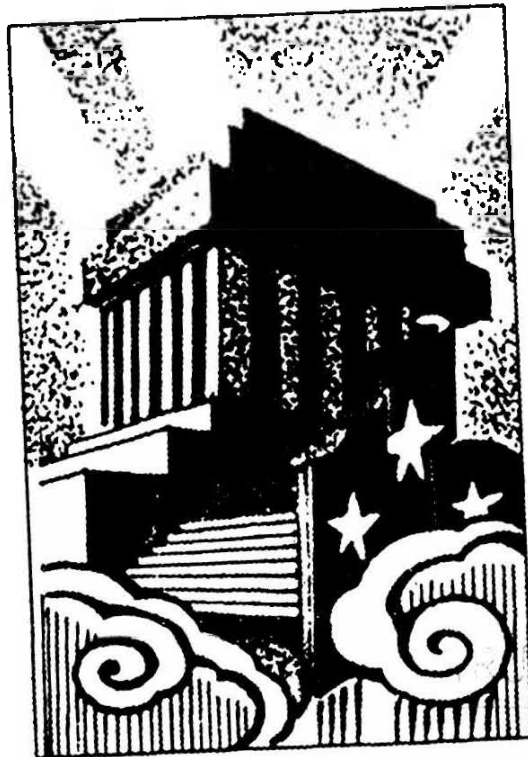
HLL/10

TÔ HOÀI

Lăng Bác Hồ

TRUYỆN KÍ

In lần thứ 2



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM
THÔNG TIN THƯ VIỆN
036085

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

150359

Bìa: VĂN SÁNG

I

Non sông đất nước, tên chúng tôi là "NON", đứng thứ nhất trong bốn chữ thiêng liêng ấy. Chúng tôi được gán Bác Hồ từ những ngày gian khổ ở hang đá Pắc Bó.

Chúng tôi, những tảng đá trên núi cao. Có phải vì phương nam nhiều nắng nên sinh sôi nhiều đá hơn các vùng khác trên trái đất. Như trong cổ tích Ấn Độ kể thế. Chúng tôi không biết.

Những tảng đá, không biết từ bao giờ đã ở giữa hoang vắng. Tưởng như đời đời bốn phía chỉ có bạn rừng và đại dương khí quyển lưng lửng trước mặt. Không phải thế.

Trái đất thuở mới sinh còn liên miên nghiêng ngả rùng mình trong những trận động đất không bao giờ dứt. Từ giữa ruột cách vỏ trái đất 6.370 kilômét, những khối nóng nguồn ra, như triệu triệu đàn trâu hung hăng. Gặp mưa, bỗng chất đóng lên nhau, lạnh đi, nằm thành

những rặng núi trên địa cầu chưa có người. Hình thù kì vĩ của các rặng núi trên cạn và trong lòng biển ngày nay, vết tích của những chuyển động long trời ấy.

Hôm nay, nhìn đá, tưởng không bao giờ đã có sự thành hình sôi nổi dữ dội nghìn xưa.

Những tảng đá mơ màng trong lòng suối. Những vách đá đỏ lừ trên cơ quan bí mật của cách mạng ở núi Lam Sơn trên Cao Bằng in lồng đáy nước. Mái ngói hây hây mới những chiếc cầu bắc qua suối Pắc Bó vừa lợp lại. Đá núi, trên cao nhìn xuống thung lũng, mỗi mùa thay đổi qua lại, năm này năm khác, như nhau mà không giống nhau.

Những tảng đá chúng tôi không thể tưởng trước được có ngày lớn như hôm nay đến. Chúng tôi được cùng cả nước về Lăng Bác Hồ.

Những cái tai đá ù ù trong gió, rất đổi ngạc nhiên.

Các tảng đá cứ nhấp nhô hỏi lại cụ già người dân tộc Mông - hỏi đi hỏi lại. Các cụ này nom vẻ lạ, không giống những cụ vắn vác củi qua đây. Dễ chừng cụ mới ở Phìn Sa xuống. Chắc biết nhiều chuyện mới. Mấy cụ nữa vừa ngồi xung quanh. Hỏi lại xem có phải thật thế không. Cái gì bất ngờ quá bao giờ cũng cứ ngờ ngợ. Có thật chúng tôi được đi làm nhiệm vụ vinh quang về Lăng?

Cụ người Mông nói:

- Ở ờ, các công nhân sắp lên đây bàn với các cháu xem rồi đi cách nào về Thủ đô cho khéo.

Chúng tôi mới hiểu ra bấy lâu các cụ già ở trên núi

LĂNG BÁC HỒ

đã giúp các công nhân mở đá đi tìm chúng tôi.

Tưởng như khắp các núi, tất cả các cụ già dân tộc giỏi tìm đá quý đương đi kiếm, đi thử từng mỏm đá đưa về xây Lăng.

Thật như thế rồi. Hồi hộp quá!

*

* *

Nghĩ kĩ, cần phải bình tĩnh. Bình tĩnh, nghĩ ngợi và chờ đợi.

Chúng tôi sắp được đi làm nhà Bác Hồ và chúng tôi được ở bên Bác Hồ. Như khi xưa, Bác Hồ từ hải ngoại về lãnh đạo cách mạng cả nước, Bác Hồ đã ở núi với chúng tôi. Nghĩ đến nỗi sung sướng ấy, lại cứ muốn giông gió phải lay động reo vui ngày đêm qua mặt đá cho hả.

Phải rồi, duyên may của những tảng đá núi với Bác Hồ không phải mới đến hôm nay, không phải chỉ từ hôm nay.

Lâu rồi, chúng tôi đã được ở bên Bác Hồ.

Bác Hồ đi bốn ba khắp thế giới, tìm đường cứu nước rồi, mùa xuân năm ấy, Bác Hồ trở về quê hương. Lúc này, đất nước còn chìm đắm trong xiềng xích nô lệ.

Bác Hồ và nhiều cán bộ bí mật về qua biên giới phía bắc. Cột mốc đá 108 là chỗ Bác Hồ đánh dấu đi xuống hang đá Pắc Bó và Bác Hồ trú ở đấy.

Trong hốc đá, giữa cảnh gian khổ hiểm nguy, Bác Hồ đã làm bài thơ tả cảnh nơi trú chân đầu tiên, nói lên chí lớn của mình:

*Nón xa xa, nước xa xa
Nào phải thên thang mới gọi là
Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

(Pắc Bó hùng vĩ - 1941)

Chúng tôi được ở với Bác Hồ từ ngày lịch sử ấy.

Lối vào khe đá góc ngách, khi mở ra khi xuống sâu, khi hùm thành vực. Hang đá thần tiên, mỗi quăng một vẻ. Tiếng động cánh đàn dơi bay ra. Tiếng êm êm đều đều của những giọt nước nhỏ giọt xuống. Một tiếng vang của hòn đá vừa lở dưới bàn chân. Hòn đá lăn sâu xuống lòng hang, róc rách vào dòng nước đầu nguồn Pắc Bó từ lòng núi thâm lặng chảy ra.

Đêm đêm, Bác Hồ nghỉ trong hang. Bác Hồ gói đầu trên vấu đá chúng tôi. Hằng ngày, Bác Hồ ra ghế đá bàn đá giữa suối đọc sách, viết tài liệu, đánh máy và khai hội; khi ngơi việc, Bác Hồ ngồi câu cá.

Ở hang hay ở suối, chúng tôi cũng biết giúp Bác Hồ chút ít. Bác Hồ đã làm thơ kể những chuyện sinh hoạt ấy với chúng tôi:

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

(Tức cảnh Pắc Bó - 1941)

LÀNG BÁC HỒ

Bác Hồ rất thích đi chơi trên núi:

Hai mươi tư tháng sáu
Lên ngọn núi này chơi
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ
Bên suối một nhành mai.

(Lên núi - 1942)

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Bác Hồ ở rừng Việt Bắc. Cả nước đã kể say sưa những cổ tích về những đức tính giản dị của Bác Hồ: đôi dép cao su, bộ ka ki cũ, chiếc khăn mặt vắt vai. Phải nói thêm là rừng núi yên tĩnh cũng thân thiết với Bác Hồ thành thói quen trong đời sống.

Đêm khuya, Bác Hồ làm thơ:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Cảnh khuya - 1947)

Công việc bận bịu tối ngày, Bác Hồ vẫn như ung dung ở giữa rừng núi và vườn bãi.

Đường non khách tới hoa đây
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn
Việc quân việc nước đã bàn
Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau

(Không đề)

Chúng tôi cứ được gần gũi tự nhiên với Bác Hồ như

thế đấy. Có thể viết ra vô vàn ví dụ. Chỉ xin nói lại ở đây một chuyện cảm động của bác Hoàng Đạo Thuý đã kể, lần ấy ở rừng Sơn Dương, đi họp Hội đồng Chính phủ, được gặp Bác Hồ.

Cụ ngồi vào hòn đá bên cạnh rồi hỏi tôi:

- Cụ hay đi khắp đất nước, thế có thấy chỗ nào phong cảnh đẹp mà đất tốt không?

Tôi hỏi lại:

- Cụ định làm ruộng ư?

Cụ nói:

- Khi nào xong công việc thì cũng phải nghỉ.

Tôi đáp:

- Có một chỗ ở chân núi Ba Vì, bờ sông Đà dưới kia, cảnh đẹp, mà trồng ngô bắp to bằng ống chân.

Cụ chỉ dòng suối Thia:

- Tôi yêu chỗ này lắm.

Tôi nhìn dòng Thia, chỗ này không phải là đoạn ngòi uốn khúc, nước trong veo, mà là một quăng nước xuống như thác, kéo theo đá lớn, đá con ngổn ngang⁽¹⁾.

Những câu chuyện như thế, chúng tôi nhớ đời. Càng thấy vinh dự đã được Bác Hồ quý.

Chúng tôi hiểu Bác Hồ với chúng tôi không phải câu chuyện hôm nay, cũng không phải từ lúc Bác Hồ nhìn đá suối Thia. Mà cách đây lâu, khi ấy nước nhà mới

(1) Bài hồi kí **Theo Bác** của Hoàng Đạo Thuý (Sáng tác Hà Nội 1970).

LÃNG BÁC HỒ

giành lại được độc lập, Bác Hồ đã nói:

Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào cũng ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc, để câu cá, trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em bé chăn trâu...

**(Hồ Chủ tịch trả lời câu hỏi của
các nhà báo, 1-1946)**

Và Bác Hồ đã viết:

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Sẵn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa hạc cũ với xuân này.*

(Cảnh rừng Việt Bắc - 1947)

Non xanh nước biếc... câu cá... trồng rau... kháng chiến thành công... Bác Hồ mong ước thế.

Chúng tôi đã luôn được ở gần Bác Hồ.

Ngày trước cũng như bây giờ, mãi mãi.

*

* *

Mỗi hòn đá đều có một tâm sự. Cứ trông nét vân và màu đá thì biết. Nếu con người không giao tiếp với ai, thì không có tâm sự, không có hoạt động gì đáng kể, nhưng hòn đá biết việc làm ích lợi, đá có hoạt động đấy. Đá san hô trên mặt biển đã từng lúc sinh sôi ra những hòn đảo mới. Nước nhũ trong hang đá nhỏ xuống thành cột đá, trúc đá, mảnh mảnh đá. Đá có đời sống đáng kể của đá.

Bởi chúng tôi sống với người, đá phục vụ người. Trong công việc ngày ngày. Trong cả những biến chuyển lớn lao của đất nước.

Những tảng đá ở suối Pắc Bó kể chuyện rằng:

Từ xưa ở vùng Hà Quảng chỉ có người cần kíp đi đêm gọi thầy mo về cúng cho người ốm, chỉ có người đi săn mò đêm, đèn ló và đầu đuốc đọi vào đen kịt mỏm đá. Nhưng từ khi có người cách mạng thì người cách mạng đi đêm hôm bất kể lúc nào, không cần đèn đóm. Người cách mạng đi chân không trên cỏ, tránh sương rơi in vết chân. Người cách mạng đi đường suối, chuyền từng mỏm đá, những hòn đá biết giữ bí mật.

Hốc đá kín đáo ở Si Điếng trước hang Pắc Bó, ngay dưới chân núi Mác, chỗ rẽ vào Khuổi Nậm, là nơi bí mật gài thư các nơi gửi về Pắc Bó đấy.

(Bưu điện ta bây giờ nên có bộ tem lưu niệm hốc đá Si Điếng - trạm phát hành thư báo đầu tiên của nước

Việt Nam độc lập là hang đá ấy).

Trên Si Đięng có cụ già cách mạng. Cụ ở hang đá với các cán bộ chỗ đầu nguồn nước Cốc Bó. Núi đá chúng tôi biết cụ già cách mạng tên là cụ Thu Sơn - cụ ở núi.

Tây đồn và lính tuần thì không thể biết. Chúng tôi biết mà nín lặng. Núi rừng im lặng. Khủng khiếp cho kẻ thù lắm đấy.

Cụ Thu Sơn từ Pắc Bó xuống. Cụ Thu Sơn chống cái sào trúc. Cụ mặc áo Nùng đã phai, bợt cả hai cửa tay. Như người châu Hà Quảng đi cào cỏ lúa. Cụ đi công tác sớm. Một chú bé đeo túi nhanh nhẹn đi trước cụ. Rõ rồi, đấy là Kim Đồng ở Nà Mạ. Kim Đồng đi giao thông. Mới hôm qua Kim Đồng vào đặt thư ở hốc đá Si Đięng bây giờ lại đưa cụ Thu Sơn đi công tác.

Cách đi của hai ông cháu biết giữ gìn lắm. Kim Đồng đi trước xa xa. Cụ Thu Sơn, lúc cầm cúi, lúc lưng thưng đằng sau. Gặp điều nghi ngờ, người đi trước làm hiệu, người đằng sau tránh vào ven đá.

Đến quăng suối, vừa qua mái cầu. Tây đồn Nà Giàng đem lính tuần nhô đến đấy. Kim Đồng huýt sáo vang vang. Cụ Thu Sơn đứng lại, tránh sau lưng đá. Lưng đá chúng tôi lù lù, cao ngấp đầu cơ mà.

Nhưng lũ lính đã trông thấy. Chúng nó kêu ầm lên.

Cụ Thu Sơn thật nhanh trí. Cụ Thu Sơn ngồi xuống tảng đá, thản nhiên nhìn bọn lính. Như người đi đường xa, mỏi chân, gặp được tảng đá phẳng mát, thì ngồi nghỉ.

Nghe đằng trước tiếng châu đoàn hỏi:

- Thằng bé kia đi đâu sớm thế?

Kim Đồng nói:

- Đón thầy mo về cúng cho mẹ ốm.

Tây đồn lại hỏi:

- Có đi làm cộng sản đấy không?

Kim Đồng không trả lời nó, Kim Đồng quay lại, gọi cụ Thu Sơn:

- Bác ơi! Ta đi thôi! Về nhà cháu còn xa đấy!

Mắt lính tráo trưng mà hoá mắt thông minh. Bác cháu, hai người cách mạng hẩn hoi, đã ung dung đi qua trước mặt chúng nó.

Những tảng đá ven đường bỗng thanh thoi, sáng hẩn như vui lên trong nắng sớm.

Hai người đã khuất vào bóng núi xanh thẫm. Chúng nó không trông thấy nữa. Bác cháu rẽ đường khác, bây giờ, đi như chạy.

Những triền núi đá chúng tôi ở Việt Bắc đã được chúng kiến biết bao chuyện dũng cảm và mưu trí như thế. Chúng tôi mách với các nhà viết sử lưu ý nhiều quãng đường ở Lũng Hoàng, ở Phiêng Phồng, ở Lũng Vài, ở Búng Lau, ở Đèo Giàng trên Cao Bằng, Bắc Cạn. Những tảng đá ven đường các nơi ấy và nhiều nơi nữa, thường sứt sẹo chằng chịt trên mỏm. Dấu vết những trận đánh phát xít Nhật đi càn khu giải phóng, những trận bộ đội phục kích những đoàn xe Pháp di chuyển.

LĂNG BÁC HỒ

Hốc đá công sự đã giúp các chiến sĩ đánh giặc. Đá chúng tôi cũng là chiến sĩ. Chúng tôi đã mang trên mình những vết thương vì đất nước.

Có bạn nào đã vào thăm nơi Bác Hồ ở và làm việc trong phủ Chủ tịch giữa Thủ đô? Bạn sẽ vẫn gặp được nhiều anh em chúng tôi về ở đây từ lâu, đã ở và đã giúp Bác Hồ những việc tỉ mỉ lí thú. Và đã học được những đức tính cẩn thận, kiên nhẫn của Bác Hồ.

Bạn có trông thấy mấy viên cuội trắng xinh, Bác Hồ để chặn chồng tài liệu trước bàn?

Bạn có thấy những hòn cuội vàng tròn xoe, Bác Hồ để lót dưới miếng xà phòng cho xà phòng được khô ráo, cạnh chậu rửa mặt?

À, hằng ngày bạn thử mà xem, xà phòng đương dùng mà kê lót những hòn cuội con con thì mặt dưới không bị ướt, xà phòng khỏi hao. Bác Hồ lúc nào cũng cẩn thận từng li. Cái cốc uống nước Bác Hồ gài ngược lên cốc, cho cốc luôn khô, vệ sinh. Bạn có trông thấy ở góc phòng còn có hai viên đá tròn? Đá để Bác Hồ nắm vào lòng bàn tay. Mỗi sáng mỗi tối, Bác Hồ nắm viên đá làm động tác thể dục đấy.

Những phiến đá uy nghiêm trên lăng Bác Hồ hay những hòn cuội trước kia Bác Hồ để nắm tay tập thể dục, để Bác Hồ kê cho xà phòng khỏi ướt mặt dưới đều dùng được việc. Đôi khi, ta lơ đãng không hiểu hết ý nghĩa của những cái thường ngày hằng thấy quanh mình.

Chúng tôi vinh dự sắp được về làm đẹp nhà Bác Hồ. Cách mạng cùng đá núi chúng tôi đã bao lâu thân thiết. Bây giờ chúng tôi lại được đông hơn nữa, nhiều hơn nữa, về ở với Bác Hồ.

*

* *

Không phải từ những rừng vàng của Tổ quốc về chỉ có anh em chúng tôi như đá tảng, đá tấm, đá phiến, đá vụn được nghiền tơi... Mà cả những hạt cát, những mảy đá li ti rơi vãi từ nghìn đời, tưởng không ai để ý. Nhưng những hạt cát không chịu ngồi yên. Dâu dẫu cũng nô nức. Trong gió cuốn, những hạt cát bốc mù mịt, reo lên: Có chúng tôi! Có chúng tôi!

Cát cũng đòi đi, có lí và tất nhiên. Công trình xây dựng nào chẳng có cát góp sức. Nhưng đây, phải là cát thế nào mới đảm đương được trách nhiệm này. Đúng thế! Thật là một công phu.

Các công nhân và kĩ sư đi tìm cát ở các dòng sông, các con ngòi, con suối, các khe đá.

Dâu dẫu cũng đến thăm hỏi và ở dẫu, cát nào cũng xông xáo lên.

Những chiếc thuyền tìm cát ngược sông. Tất cả những con sông đều muốn người tìm cát đến với dòng mình.

Sông Hồng, bờ bãi đỏ mờ, lặng lặng xuôi xuống.

LĂNG BÁC HỒ

Viên ngoài, con đê xanh xanh. Trẻ con cắt cỏ, chăn trâu đùa ời ới bên mép nước.

Nhưng cát sông Hồng không phải cát trong. Vẻ đẹp cát bồi sông Hồng óng ả được xếp hạng vào câu ca dao tha thiết ngày xưa:

Sông Thao nước đục người đen.

Ai lên phố Eⁿ thì quên đường về...

Cát Sông Thao màu mỡ, bồi giàu các cánh bãi, nhưng không phải thứ cát quặng tốt nhất cho xi măng công nghiệp.

Cả đêm, sóng sông óc ách hai mạn thuyền. Những tiếng vật nài, những tiếng than thở. Đã đành cát sông Hồng được tiếng ở công việc khác, nhưng cát sông Hồng vẫn khắc khoải mong muốn. Người đi tìm cát đã hiểu nỗi lòng của cát.

Người công nhân nói:

- Sông Thao, sông Lô, sông Đà hợp thành sông Hồng, phải không? Ba con sông, lúc còn riêng dòng, thì cát sông Lô trắng lăm. Nếu chỉ có cát sông Lô được chọn đi, cũng là niềm vui chung của sông Hồng rồi.

Tiếng nước óc ách vỗ mạn thuyền, bây giờ nghe ra tiếng hát.

Rồi cát sông Lô cũng chưa ăn thua. Cát sông Lô trong như đường phèn. Nhưng cát sông Lô óng ánh gọn mika, loại cát sắc.

Cát tiêu chuẩn phải vừa trong vừa mịn, mảy đá không mùn tạp. Biết làm thế nào, khi ta có lòng mong

muốn, nhưng công việc đòi hỏi còn cao hơn và khác ước mong của ta.

Những chiếc thuyền tìm cát lặn lội lên ngọn sông Cầu, sông Công, sông Đáy.

Khi ấy, các vùng có chiến sự ở miền Nam gửi nhiều mẫu cát ra. Cát sông Hương. Cát sông Đà Rằng, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ, sông Tiền, sông Hậu...

Vẫn chưa được. Thật khó nghĩ. Nhiệt tình và công sức của người và cát rộn rục - những ngày hội thi tài trên cát dòng sông.

- Hay là tìm đến cát suối?

Một công nhân có sáng kiến.

Đầu tiên, tìm đến suối núi Phia Bi-óc ở huyện Chợ Rã, rồi núi Phia Uắc trên huyện Nguyên Bình, rồi bên suối Nậm Mu trong dãy Hoàng Liên Sơn.

Núi Phia Bi-óc - núi Hoa - tên lạ như thế, vì các suối núi này nước chảy trong đêm lấp lánh như hoa sáng. Nước có kim loại, ắt cát quý.

Những ngọn nước ở núi Hoa nói:

- Suối tôi đẹp lắm. Ban đêm, suối tôi như sáng trắng. Trong cát suối tôi có vàng bạc.

Vàng bạc cũng quý, nhưng khốn nỗi, vàng bạc không đem trộn cát xây nhà được. Người công nhân nê vốc nắm cát lẫn vàng, chỉ xem như loại cát tạp, cát đất mùn mà thôi.

Ước mong có một thứ cát thuần, cát sáng trong toàn

LÀNG BÁC HỒ

mày đá, mày cuội. Nhà Bác Hồ, từ móng lên tường là công trình nghìn năm của dân tộc, cát phải sức lực vô ngần. Từng hạt cát đứng ngời phải liền khít như khối bê tông nạc quánh. Một công nhân nói:

- Hay là tìm cát ở vùng suối những nơi phát tích của tổ tiên ta?

Đây là sáng kiến hay.

Dân tộc Việt Nam mở nước trên bờ biển Đông, từ khi biển còn mấp mé vào chân Trường Sơn, menh mông đến tận cửa rừng nguyên sinh Cúc Phương, đến mãi vùng Gia Viễn, vùng Trường Yên mà bây giờ trên mép núi các nơi ấy còn nguyên hình những lưới sóng in gờ đá.

Vào những vùng đất Mường gốc cổ xưa ấy, đôi khi còn có cảm tưởng lạc đến những thời đại vua Hùng. Những "vùng đất ngày xưa còn bạc lạc; những vùng nước ngày xưa còn bồi lờ". Những nhà sàn cột kê, hàng hiên chạy quanh, to như ngôi đình đại. Những cổ tích để đất để nước. Những lão ông áo chàm tay rộng ống. Dải áo buộc, khăn xanh đầu riu. Những chiếc cảnh to đựng rượu cần đăng góc sàn. Tiếng công, tiếng chiêng kê mặt suối, vang mãi lên tận ngọn nước.

Ở đấy có những hang đá mái đá, gốc gác tổ tiên dân tộc ta đã ở. Những thung lũng sâu, đứng đầu núi nhìn xuống bạt ngàn xanh rừng luông, rừng mai. Những chóng Mòi, những dốc Dằng, dốc Quy, tưởng như qua đây lên tới cửa trời, không còn tìm đâu ra đường về.

Chóng Mòi thăm thăm nghìn trùng... Cái xa vắng đã được tạc vào lời than trong câu hát xưa vùng Mai Châu.

Ở đây, những ngọn suối nước trong suốt, vốc lên, soi hồng lòng bàn tay, cát vờn hoa như khói.

Những người tìm cát đã về vùng Mường, đất tổ tiên.

Các công nhân từ sông Bôi, sông Bưởi tìm vào.

- Cát ơi cát, cát tròn mình không?

- Cát tôi long lanh như mắt cua. Múc tay không hạt nào đọng lại.

- Cát ơi! Thế nào là cát quý?

- Cuội là mắt cát. Cát quý là mắt cuội. Cát quý chảy trong suối vàng như nắng.

- Cát ơi cát, cát quý có mấy dòng?

- Cát quý hạt nào cũng như hạt nào.

- Cát sông Bôi đã là cát quý chưa?

- Chưa phải.

- Cát sông Bưởi?

- Chưa.

- Suối đây đã là cát quý chưa?

- Cũng chưa.

- Đến đâu mới gặp cát quý?

- Thử vào ngọn suối Kim xem.

Hai ngày lặn lội mới đến. Rừng núi Kim Bôi nghiêng lên những mỏm rải rác khỏi đầu thành hình cực bắc Trường Sơn.

LÀNG BÁC HỒ

Suối Kim mở nguồn từ những ngọn núi ở Đú Sáng, ở Tú Sơn chảy xuống thành suối. Có những quặng nước nóng. Dòng suối cát vàng, dấu vết cổ hơn tất cả các thời kì lịch sử, đôi chỗ còn nguồn ra những mạch nước nóng, nước sơ sinh của trái đất - con đường nối liền đời sống nóng hổi các mắc-ma lòng đất, với đời sống ấm dần đến xanh tươi ngày nay trên mặt đất.

Chính suối cát vàng đây. Mây cuội rơi ra vàng như nắng. Đầu núi nhìn xuống, tưởng buổi chiều còn bỏ sót lại một mảng nắng trên bờ suối. Không, đấy là dòng suối cát vàng Kim Bôi.

Các công nhân reo lên:

- Cát quý đây rồi.

Tất cả các bộ công những làng xa nhất trong thung cũng được đem về. Đột đột chiêng gọi mở đầu bài công cứ liên tiếp suốt đêm. Nghìn xưa ở đây, không biết có hội hè nào vui đến như hôm nay.

Tiếng công rạo rức thung lũng. Những bó đuốc như cây đình liệu theo chân ngựa rầm rập trắng đêm, qua các vùng Mường, lên khắp các động Dao báo tin vui.

Chốc lát, đâu cũng biết tiếng, cát vàng Kim Bôi đã được tuyển. Kim Bôi, nghĩa là chén vàng - có phải người trước đã múc cát vàng vào lòng chén lên soi mà thành tên đẹp ấy.

Mùa đông sang mùa xuân, dốc rừng nửa trơn lội, vắt múa lên từng đợt như sóng đất. Chim yểng ra gọi trận mưa rào đầu mùa đến. Không ai để ý. Những cô gái

Mường, gái Dao lội dọc suối Kim Bôi. Bàn tay cầm lưới
tơ chao lên từng nạm cát. Cát đẹp như những miếng
năng. Các chị công phu hót từng nắm cát suối đá trong
xanh.

Chẳng bao lâu, trên dọc bờ suối, đã cao lù lù đụn cát.

Những chiếc xe vận tải lớn, thùng lót ni lông, đưa
cát về công trường.

Tiếng cồng các làng suối Kim Bôi gióng suốt đêm.
Chiêng đúc, chiêng thau, chiêng đùm, chiêng thót chen
nhau lên tiếng. Những bó đuốc lên đến tận khắp các
động người Dao. Người một vùng suối chảy ngang đất
phát tích, ăn mặc đẹp nhất, về hội tiền cát.

Những hạt cát ngọn nguồn dân tộc được đem về xây
nhà Bác Hồ - ngôi nhà nghìn đời như dân tộc ta.

*

* *

Đá núi Nhồi xứ Thanh bóng như sơn then. Đá hoa
chùa Thày vân mây. Đá miền tây Nghệ An gió hơi
hướng nắng đỏ. Đá Sơn La Đèo Chén xanh cây. Đá Vĩnh
Linh đen xanh như biển lặng. Đá Điện Biên đốm trắng
bông mai. Cả những hòn đá củ đậu không mảy may hạt
dẹt từ Thác Bà cũng ngồi xe "gấu" về thành phố.

Đá chúng tôi rời rừng núi.

Những tảng đá cỏi lại tấm áo rêu xanh rừng bốn

LĂNG BÁC HỒ

mùa, từ biệt khoảng không đại dương khí quyển từ hoang sơ vẫn nhớn nhơ trước mặt.

Bốn phương nô nức về công trường.

Các đường vận chuyển kì lạ. Ở tất cả mọi nơi tới. Lòng mong mỏi, chí hướng và quyết tâm, khó khăn đến đâu cũng đến được.

Những chiếc thuyền tải. Thuyền đông bắc về như cánh én. Thuyền phía nam ra, cánh dơi. Những đoàn thuyền sông Mã men biển vào sông Hồng.

Xe tải toa trần, bạt trùm kín, dài dằng dặc. Tàu chạy thâu đêm. Sáng sớm, dừng lại, lá xanh phủ nguy trang. Đoàn tàu ém vào tránh máy bay Mỹ bắn phá, ở vườn cây cuối đường sắt. Những con tàu nghi trang như nối thêm khoảng vườn mới. Chúng tôi lại được đi cả những chuyến máy bay đặc biệt. Đá chúng tôi được xếp đứng từng hàng, đầy ắp các khoang, cả dưới bụng đựng hàng. Giấy bông lót cách phiến. Chúng tôi ngay ngắn lên máy bay, lần lượt, trật tự.

Không phải những chuyến bay chở đá như bình thường đâu. Máy bay bay thấp, bay đêm - để đèn ngủ sáng nhạt. Cánh sáo cửa sổ buông kín.

Bọn Mỹ - những tên giặc trời, ngày đêm chúng nó bay rình mò nhấp nhô như kẻ trộm. Mới gà gáy đã nghe tiếng găm rú từ bốn phía tới.

Thế nhưng tất cả các chuyến đi mọi nẻo đường, chúng tôi đều về trót lọt. Chúng tôi tập nập đến nơi tập kết. Rồi đến công trường, có lúc, các công nhân khiêng

từng phiến. Có khi cả dây cáp kéo. Mỗi bước đều được chăm chút. Phút đầu tiên gặp gỡ với người, chúng tôi bồi hồi, dù người gặp mặt ấy là cán bộ địa chất, một công nhân gra-ni-tô, một cụ già giỏi các loại đá. Bàn tay ai cũng tài tình, gượng nhẹ. Một mũi xà beng bẩy khế. Tảng đá nghiêng mình. Một nhát đao tìm khía vân đá đẹp. Ai cũng trân trọng, nâng niu từng li. Đá với người đều hiểu biết tôn trọng, quý mến lẫn nhau. Vì trách nhiệm với công việc đang làm.

Thế là chúng tôi đã đến được công trường.

Ồ thế là không phải chỉ có một mình đá về trước nhất. Chúng tôi chỉ có ưu điểm đã sốt sắng về, mà nhiều đội công nhân các ngành đã đến đây trước.

Đội lán trại đến trước tiên, đã dựng từng khóm nhà ở, các xưởng quây quần như một làng.

Về sau mới được biết các chiến sĩ cao xạ bảo vệ công trường mới là những người đến sớm nhất.

Những cỗ cao xạ đã tới trước tất cả. Súng tầm thấp và còi báo động đặt trên nóc hội trường nhà Quốc hội. Cao xạ thấp thoáng trong những ụ đất cỏ mượt. Chỉ trông thấy còi chuẩn hé màu đỏ. Những chiếc mũ sắt của bộ đội cảnh giới. Những cái rổ ra đa suốt ngày lạng lẽ quay tròn tìm bóng thẳng giặc lái trong thỉnh không.

Bộ đội nói:

- Yên trí lớn! Thằng Mỹ mò đến đây thì nó chỉ được cái mất xác thôi.

Còi dồn dập báo máy bay địch đến... máy bay địch

đã bay xa...

Công trường nhịp nhàng, mọi việc dần dần bận rộn hơn.

Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ quyết định giữ gìn lâu dài thi hài của Hồ Chủ tịch và xây dựng Lăng Bác tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, để mọi người có thể đến viếng và chiêm ngưỡng.

Lăng Hồ Chủ tịch sẽ mãi mãi là một công trình kiến trúc có ý nghĩa chính trị to lớn. Nó thể hiện tình cảm sâu sắc của nhân dân cả nước ta đối với Bác Hồ từ thế hệ này qua thế hệ khác...

... Hiểu rõ ý nghĩa to lớn của công việc mình làm, nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình...⁽¹⁾

Cả công trường sôi nổi vào công việc sắp bắt tay.

Từ khắp nơi về đây. Những đội thợ đấu quē các vùng ven sông Hồng chuyên đào móng. Những toán thợ nề giỏi nhất nước. Những cụ thợ ngōa, thợ xẻ Nam Định, Hà Tĩnh đã nhiều đời lành nghề, cả ông cả cháu cùng lên công trường. Những thợ đá núi Thày khéo đủ thứ, thợ chặt, thợ đẽo, thợ đục.

Cả xưởng đá An Dương của Thủ đô bận rộn.

Các lò rèn ồn nhất. Hôm phát động thi đua, tổ rèn đăng kí sản xuất lấy hết, xà beng, khoan, móc bột đá,

(1) Bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh, uỷ viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội với các đơn vị đang xây dựng Lăng Hồ Chủ tịch.

móc đá, đục, búa... đủ đồ cho công trường.

Mùa hạ lại tới trên thành phố. Đã chớm có những đêm mưa rào. Hạt mưa mới nồng ấm man mát mùi hoa lí và mùi lá sấu rụng.

Khối lượng bê tông được đổ móng xong trước những trận mưa lớn. Phải chạy thi với trời mưa.

Công binh đoàn Hùng Vương, đoàn Bắc Sơn được nhiệm vụ hành quân về công trường, không kịp làm nhà. Bộ đội căng bạt ra tới mép nước hồ Tây. Một lúc, đổ bê tông nhiều khu vực. Cả giữa trời nắng rát, làm đến suốt đêm.

Trong đêm mưa, tiếng búa máy nện cọc móng vẫn trầm trầm rậm rịch đều đều.

Người công nhân nói:

- Nghe mưa không buồn. Che nước mưa vẫn làm việc được. Có còi báo động thì mọi công việc vẫn như thế. Chỉ buồn lúc không nghe tiếng máy đóng cọc móng.

Tiếng máy đóng cọc, máy đầm vữa xi măng làm bê tông lèn móng, những tiếng trang nghiêm khởi đầu công trình. Đêm thanh vắng vời vợi, băng khuâng.

Mặt nước hồ Tây ngát hương sen quanh chùa Trấn Quốc. Tiếng búa máy, tiếng búa máy trầm trầm, tiếng thời gian điểm giờ lịch sử...

Máy bay Mỹ đương lồng lộn đánh vào Hà Nội.

Báo động liên miên tới ngày. Rồi nửa đêm. Rồi gần sáng. Cứ lúc sắp chợp mắt, chúng cất lên tới. Bọn này

LĂNG BÁC HỒ

thật ác. Nhất là thằng F.III chuyên cắn trộm.

Nhưng, hung hăng mấy cũng là thằng kẻ trộm.

Giữa hồ Tây, bè nứa công sự như những hòn đá nổi đặt những cổ đại liên cao xạ bốn nòng. Đoàn thuyền của các nữ dân quân Nghi Tàm đã đậu tập trung trong bóng rặng vối, sau lưng đình Yên Phụ. Ở đấy bơi liên lạc ra trận địa nổi giữa hồ gần nhất.

Máy bay địch tới. Trận địa hoạt động. Thuyền dân quân từ các lùm cây ven hồ, tải đạn, tải nước uống, tới tấp trở ra.

Rồi Hà Nội 1972 vào mười hai ngày đêm tháng mười hai khẩn trương, quyết liệt.

Trận địa pháo dọc sông Hồng gửi đến lời hứa:

- Các công nhân, các chiến sĩ! Mỹ không thể bẻ gãy đến công trường thiêng liêng của chúng ta! Chúng phải rơi chết tan xác trên hồ Tây!

Những giàn tên lửa ngoại thành hạ quyết tâm:

- Các công nhân, các chiến sĩ! Mỹ phải phơi xác dưới chân thành Hà Nội.

Ở các đường băng bí mật, máy bay chiến đấu của ta canh gác vùng trời, bảo vệ Hà Nội.

Bảo vệ Hà Nội! Bảo vệ công trường Lăng Bác Hồ!

Mỹ đã đưa tất cả các loại máy bay hách nhất đến đánh Hà Nội. Suốt đêm, vùng trời âm âm như cả ngàn ngàn cái cối xay thóc cùng một lúc. Gió bom phần phật. Bom rơi như bông mảnh mảnh.

Quyết tâm của các chiến sĩ đã thành những sự thật khủng khiếp nhất cho kẻ thù! Những chiếc B.52 bùng cháy thành những ngọn đuốc trời. Những thằng kẻ trộm F.111 bị cao xạ của công nhân khu Đống Đa phết trúng. Có cái lê được lên Hoà Bình thì vỡ đứt đôi, rơi xuống rừng.

Cả thành phố đánh giặc!

Quảng trường yên tĩnh.

Đêm B.52 thứ mười một - đêm căng thẳng nhất. Mỹ rải bom tràn lan xuống Khâm Thiên. Chưa đủ. Mỹ dẫn cả một đòn dã man sạch túi. Chúng lao bốn phía vào quảng trường Ba Đình.

Nhưng tất cả những máy bay liều mạng đều tan tành. Chiếc B.52 lìa đời gần nhất, rơi xuống đầu làng hoa Ngọc Hà, trước quảng trường Lăng Bác Hồ bây giờ. Những mảnh xác tả tơi xuống đường Hoàng Hoa Thám, hồ Ngọc Hà, hồ Tây, hồ Trúc Bạch...

Công trường vẫn y nguyên trên quảng trường.

*

* *

Thấy rõ nhiệm vụ, trong lòng bao giờ cũng sôi nổi, hào hứng, dù chỉ làm một việc giản dị.

Hãy nghe tâm sự những mảnh đá nhỏ. Chúng tôi, những mảnh đá và những viên cuội. Chúng tôi làm những việc bé bỏng của chúng tôi. Nhưng chúng tôi cảm

LĂNG BÁC HỒ

thấy vui vì chúng tôi đang làm việc.

Cuội được kén từ khắp ven suối vùng Tuyên Quang. Người các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, các dân tộc Cao Lan, Dao Thanh Y... đi nhặt về. Sỏi các nguồn nước núi Hồng đổ ra ngòi Thia qua Tân Trào - nơi Bác Hồ đã ở trong thời kì bí mật và lúc kháng chiến chống Pháp. Bây giờ chúng tôi lại được về với Bác Hồ. Học sinh trường Tân Trào nghe nói có cuộc kén cuội về xây Lăng, đã xin được như người lớn, vào suối tìm. Các bạn đeo giỏ, tay cầm miếng gỗ, có lỗ tròn đục giữa. Đó là sáng kiến lựa cuội rất hay. Hòn nào bỏ lọt khít lỗ tròn, qua được cửa Vũ môn ấy, thế là trúng tuyển. Nghìn vạn hòn cuội đều nhau tằm tấp, như hàng quân.

Đá nghiền, đá cuội đứng xen xít vai quanh móng, không dẹt, không kênh, không khập khiễng, kết với móng công trình liền như đất thịt. Lăng Bác Hồ mang kỉ niệm lâu dài, không thể một viên đá lỗi lổm tinh thần mà đứng đỡ móng được.

Chúng tôi hứa bảo đảm được như thế. Thế là các đội công nhân đổ móng thả chúng tôi xuống quanh cọc móng. Chưa nện mà đã chắc như đánh!

Không phải những viên đá nhỏ nằm lấp trong chân tường mà cuộc đời không có gì đáng nói. Những tảng đá non Tràng Kênh và đất đồi Cổ Pháp ở Thuỷ Nguyên đưa về nhà máy luyện xi măng đặc biệt, đá đất không còn, nhưng thành tích còn mãi.

Hòn cuội ở chân móng hay hòn cuội trang điểm trên

mặt đường xi măng giữa một trăm sáu mươi tám khoảng cỏ quảng trường, chúng tôi đều có nhiệm vụ như nhau.

Vì vậy, người chép truyện này xin trước tiên biểu dương công việc lặng lẽ trong lòng đất của những viên đá nhỏ, âm thầm mà to lớn. Nhờ tinh thần ấy các công nhân móng đã chạy thi xong mọi việc dưới mặt đất trước những trận mưa mùa hạ.

Mỹ cũng như cơn mưa. Mỹ và cơn mưa không thể cản trở được công việc.

Chúng ta trò chuyện với các tấm đá, các loại đá đương ở các nơi về đến, đương từ các xưởng ra.

Chúng tôi, những tấm đá phiến.

Chúng tôi đã qua xưởng thủ công của các tay thợ đá cừ, đã qua các nhà máy cửa đá hiện đại. Tất cả giúp chúng tôi được gọn ghẽ tề chỉnh thành phiến, từng phiến. Chúng tôi đã sẵn sàng.

Nhưng chưa phải thế đã xong. Mọi công việc không đơn giản. Được xem sơ đồ Lãng, chúng tôi biết mỗi đứa có một vị trí và nhiệm vụ khác nhau. Sự khác nhau ấy đòi phải có sáng kiến mới, không mảy may bất chước. Có phiến làm mái. Có phiến làm cột. Có phiến làm tường. Kích thước các kiểu, các vẻ. Có anh sẽ được túc trực trước Lãng, phải đủ cao và nặng đúng tiêu chuẩn.

Một công nhân bảo chúng tôi:

- Các bạn đã biết rồi, từ công việc âm thầm dưới chân móng cho đến nhiệm vụ trên cửa Lãng, đều cùng một tinh thần.

LĂNG BÁC HỒ

Chúng tôi hô to:

- Một tinh thần làm đẹp nhất nhà Bác Hồ.

Phải vô khối việc nữa, mới được gọi là đã sẵn sàng. Từng phiến đá, mỗi phiến đá cùng làm.

Chúng tôi ở một chỗ, hoạt động với mọi ngành: mộc, bê tông, giàn giáo...

Các công nhân và máy đã sửa cho mỗi phiến đá có hình dáng theo từng chỗ đứng. Mỗi phiến đá lại được bàn tay khéo của người thợ đá sẵn sóc. Những nhát chặt, những vết đẽo tinh vi, chau chuốt.

Chẳng bao lâu, loại nào đi loại ấy, từng tốp từng tốp, cả nghìn phiến đá, viên đá đều tằm tắp, được sắp hàng ra suốt bãi - như những chiến sĩ đến bãi tập. Chúng tôi thật sự vào trận đánh.

Chưa phải. Chúng tôi mới dần dần vào trận đánh. Tưởng rèn luyện và chuẩn bị thế đã nên. Chưa đâu. Còn nhiều việc. Chúng tôi còn đương ở thao trường. Chưa phải đã tới nơi xuất kích. Làm việc cho tới được mong muốn, thật đã khó khăn, lắm công phu.

Chị công nhân đục đá đến trò chuyện với chúng tôi.

- Phải hiểu kĩ nguyên liệu. Chúng ta cần bàn bạc, nhất trí trước khi bắt tay vào việc. Bây giờ mỗi phiến đá đã thành hình dáng hoàng. Mai kia, mỗi phiến được ốp lên tường, làm đẹp đẽ suốt đời ở đấy. Từng phiến, từng phiến sẽ như hoa nở khắp mặt trong mặt ngoài nơi yên nghỉ của Bác Hồ. Có những phiến đá lại ra trần trên nóc, cả ngoài mái nghiêng, mái vát kia. Sức lực của xi

măng chắc chắn giúp các bạn đứng vững. Ở mỗi phiến đá, hai bên sẽ có lỗ đục nhỏ nhỏ giống lỗ khuyên tai, một sợi dây kim loại xuyên vào đấy, như tay chúng ta, tay nắm tay, vai kề vai, khăng khít. Chúng tôi sẽ giúp các bạn việc này.

Ngày ngày, từng phiến đá được xem, chải chuốt, ngắm nghía lại. Các chị công nhân cặm cùi làm. Tay cầm chiếc búa nhỏ, tay cầm cái đục tí hon. Chiếc móc bột đá to hơn cái ngoáy tai, chốc lại được chăm chú xoay tròn vào khoen tai đá. Giữa người thợ và phiến đá, tinh thần thông cảm thân thiết. Chúng tôi thấy chúng tôi đã giúp đỡ được và hỗ trợ công việc của người thợ trên suy nghĩ tìm ra sáng kiến, trên bàn tay dẻo như mứa của các chị. Các chị tỉ mỉ, khéo tay lắm. Đẹp mắt chưa, tay búa vừa khẽ buông, tay đục vừa dứt đã nâng lên. Cái móc vét ra từng rây bụi đá. Theo động tác đều đặn của chị công nhân, hai bên vai đá chúng tôi dần dần hình lên hai lỗ xuyên trơn nhẵn, không sứt sọc, vừa đốt ngón tay út. Dây kim loại - những sợi thép không gỉ, đính hai phiến đá vào nhau, như cô gái trong làng thời trước, được trang điểm hai lỗ cuống chiếu để đội đeo hoa tai ngày Tết.

Hàng nghìn phiến đá đầy đủ hai lỗ tai tròn xoe.

Đã sang mùa thu. Nhưng không ai để ý. Khi chợt thấy những ngày mưa rả rích, mới nhớ mùa thu đã về. Các đội công tác đá, xảm đá, trang trí đá, tập nập sửa soạn. Nhịp điệu công trường càng sôi cuốn. Ngọn cỏ lá lứt rả rích tiếng mưa.

LĂNG BÁC HỒ

Mặt nước hồ Tây ngoài kia suốt ngày mưa sương trắng mờ.

Nhưng trên các hàng hiên, những phiến đá điểm hai lỗ tai xinh vẫn đứng nguyên, khô ráo.

Mưa hay nắng, không động chạm tới công việc. Nhớ khi đang đóng cọc móng, đổ móng, trận mưa xối xả đầu mùa đổ như thác nước. Cả công trường xúm quanh chân móng, che chắn, giữ hố móng sạch khô. Mưa không thể một giọt bắn vào mảng xi măng đóng quánh như khúc giò lụa.

Mỗi ngày, từng đoàn công nhân đi xem lại từng phiến đá. Chúng tôi náo nức, sắp tới ngày được làm nhiệm vụ chờ đợi.

Một hôm, nhìn ra xung quanh xưởng, thấy những chiếc xe vận tải đưa cát đến, đổ xuống. Nhưng cát không đánh đồng, mà những chị công nhân tải cát ra đều khắp. Nền xi măng rộng phẳng được phủ lên lượt cát mỏng.

Các công nhân áo xanh, buộc vật tạp dề dài đằng trước, như người làm trong các hiệu ăn. Tổ trang trí đã bắt đầu công việc trải cát rải mặt tường - mặt tường giả ngả trên mặt đất. Mỗi chúng tôi được đưa thử vào các vị trí trên bức tường giả ấy. Để xem những phiến đá cùng lên đứng cạnh nhau đã hợp đồng chiến đấu ăn nhịp thế nào.

Mấy ngày, cuộc thảo luận sôi nổi trên mặt cát. Các kiến trúc sư, các kĩ sư và công nhân bàn rất hăng. Những phiến đá được chuyển chạy đi chạy lại, mặt cát như cái

bàn cờ. Kì đến khi đứng đâu, đứng đâu cho những làn vân đá phiến nọ sang phiến kia nối nhau, đỡ nhau như sóng, như mây, như hoa, như kính cần trang nghiêm, như tràn đầy hi vọng và lòng tin - vân đá nói được tình cảm con người.

Mỗi chúng tôi đứng chỗ nào trên mặt tường, đã định xong. Từng phiến được có tên viết vào cạnh phiến: 1a, 2b, 5l, 7g... Chúng tôi vào đời sống tập thể có kỉ luật, có tổ chức.

Chúng tôi trú ở chỗ xa hẳn nơi qua lại, như doanh trại biệt lập. Tránh xây xát, sút mẻ. Một giọt mắm muối hay một lột chân chim có thể hoen mất vân. Đá Lăng Bác Hồ phải sạch đẹp như tờ giấy chưa viết.

Rồi đến một ngày mong đợi nhất trong những ngày về xưởng. Từng cặp hai người công nhân đặt quang có lót nỉ cẩn thận, đưa chúng tôi đi.

Những phiến đá được gắp nhau tất cả trong ngày hội lớn, giữa công trường. Mới biết không phải chúng tôi là những phiến đá to nhất. Hàng bên kia, có nhiều bạn đồ sộ, đường bệ hơn nữa. Phải sáu công nhân đưa lên giàn ốp. Anh chàng nặng đến mấy tạ! Những tấm đá lực lưỡng ấy được trấn lên tường mặt trước Lăng.

Giàn giáo dựng tầng tầng cao dần, lên trên cả nóc Lăng chấm hai mươi một thước sáu mươi. Những chiếc thang đứng tấn doạng chân, bao quanh, nối tiếp. Mặt tường xi măng quánh như kẹo mạ không ứt. Có thể khi đá ốp rồi khỏi phải lau nước thấm xuống mặt đá, mất bóng.

LĂNG BÁC HỒ

Những tay thợ nề chuyên vả xi măng. Bàn tay và cái bay thật lão luyện. Vai và cánh tay các công nhân nâng đá lên giàn, từng phiến từ từ chắc chắn lên. Chúng tôi nối nhau tiến vào vị trí mặt tường theo thứ tự và tên gọi, đúng kế hoạch đã định ở sa bàn cát. Lưng đá tựa vào xi măng. Hai bên lỗ đá ở mỗi phiến được dây kim loại nối liền nhau.

Bàn tay người lên xuống như máy đưa, đều đặn, nhịp nhàng. Những phiến đá đã lần lượt chiếm lĩnh khắp mặt tường. Cả những khoảng tường treo đứng, treo lủng, treo chéo, cong mái đầu đao vát lên nền trời, những phiến đá ấy cũng đã chót vót lên.

Đá nền, đá tảng, đá cột, đá mài, tất cả đều vào đấy.

Mới hôm nào chúng tôi rời các triền núi. Mới đêm nào, đêm nghìn năm đã qua, những tảng đá đêm đêm ngửa mặt xem sao rơi. Bây giờ chúng tôi đã về giữa cuộc sống Hà Nội sôi nổi.

Triệu triệu năm, khi những tầng đá trầm tích còn nóng chảy xô cả khí quyển thành bão hoang sơ, rồi lặn vào vòng đai đá lạnh ngắt lòng trái đất. Bây giờ chúng tôi về đây, chúng tôi được theo Bác Hồ về đây - dấu chúng và niềm tin vĩnh cửu, như sự hình thành trái đất con người.

*

* *

Những bộ đội trẻ, cổ tay đẹp như màu đá bạch. Các chiến sĩ đi dạo khắp, ngắm lên từng phiến đá. Rồi nói:

- Đá đẹp tuyệt!

Chúng tôi khoái chí:

- Có thể, chúng tôi mới được về đây.

Các chiến sĩ cười to:

- Nhưng chưa hay lắm đâu. Phải đến tay chúng mình rèn cho nổi vân lên, bấy giờ mới thật hay, thật đẹp. Các chú chưa biết. Đá gắn vào tường mới là bước đầu. Đá phải công phu được mài, được chuốt mới thật xứng đáng.

Thế mà chúng tôi cứ tưởng! Biết ra như thế, chúng tôi đã hiểu.

Chúng tôi hỏi:

- Bộ đội ở đâu về mà biết thế? Biết cả nghề đá a?

Chiến sĩ nói:

- Chúng tôi từ các chiến trường về tham gia xây Lăng Bác Hồ. Chúng tôi đã đi suốt Trường Sơn, từ các miền đông nam lên tây bắc Tổ quốc, chúng tôi quen thuộc và biết tính nết tất cả các triền đá trong đất nước.

- Thảo nào!

Rồi chúng tôi nói:

- Bàn tay của các chiến sĩ hãy giúp chúng tôi xứng đáng hơn nữa!

Khắp nơi hoạt động các đội mài, mài nhẵn, mài sạch, mài bóng. Những bàn tay cầm chắc tay súng ấy đã cầm mảnh nỉ nhúng nước, miết lên chúng tôi. Những bàn tay

LĂNG BÁC HỒ

đánh địch quyết liệt bây giờ kiên nhẫn, cần cù với tinh thần chiến sĩ. Suốt ngày suốt đêm. Làm không nhớ ngày đêm. Chúng tôi mỗi lúc một cảm thấy nhẹ thênh. Như tắm xong, được mặc quần áo mới.

Một hôm, cảm thấy quanh mình bừng sáng trưng.

Những tiếng reo rộn rã:

- Nắng đẹp quá! Trời nắng đẹp quá!

Nhưng đấy là ánh mới của những phiến đá. Những phiến đá sáng trong như những con mắt, những con mắt bừng mở, nhìn mọi cảnh vật, trông thấy trời nắng đẹp và các chiến sĩ.

Các chiến sĩ ngừng tay mài, rồi nói:

- Ô này, mình soi gương được vào mặt đá.

Tất cả reo lên:

- Ồ, những lùm cây, những bãi cỏ... cả thành phố lồng bóng vào mặt đá dưới tay chúng ta kia.

- Thật là đẹp!

- Như gương soi rồi.

Những phiến đá tám phía quanh Lăng Bác Hồ. Đá hoa cương, dung nham núi lửa có lẽ chảy ra từ khi châu Á hoang sơ còn liền với châu Úc. Mặt hoa cương vững như thời gian được các chiến sĩ bộ đội mài sáng thành những con mắt sáng ngời.

Đi từ phía đường Điện Biên Phủ lại, trông lên, như gặp lại mồm núi Mác ở Pắc Bó.

Từ chân Lăng khởi đầu ánh đá màu đen nhánh rồi

cao dần, cao dần, trắng mờ, trắng bạch hoà vào nền mây nước hồ Tây, trang nghiêm trong sáng đến không cùng.

Giữa khoảng lồng lộng ấy, in dòng chữ **Chủ tịch Hồ Chí Minh** nét chữ đá ngọc màu mận chín Ban Piên huyện Trùng Khánh, Cao Bằng, như tạc lên trời Hà Nội.

Những ánh đá đỏ ấy đã gắn bó tình cảm với Bác Hồ từ những ngày Cao Bằng với núi Mác, suối Lê Nin ở Pắc Bó, với cơ quan Đá Đỏ ở núi Lam Sơn bên sông Bằng.

Hai hàng cột đá đen huyền dẫn lên ba mươi ba bậc tới phòng Bác Hồ.

Đúng như các chiến sĩ nói: Đá có nổi vân mới hiện hết dáng nét và tinh thần đá. Mỗi sắc đá một vẻ. Đá thêm vân hoa nở đậm bước chân. Đá cẩm thạch trên tường phòng khách lượn mây thanh thản, tĩnh mặc. Vân đá xôn xao, trăm đường khác nhau cả trăm, không bao giờ vờn trở lại giống nhau. Vân đỏ, vân xanh, vân tím, vân vàng, vân đục, vân gỏi đồng, vân tía, vân hồng... bằng lăng như mây bay gần bay xa suốt các tầng.

Những mặt cẩm thạch nối nhau cuộn cuộn sóng trắng, sóng hồng. Lại như những dòng suối chảy trên vách đá, cuốn về nơi Bác Hồ nghỉ. Mây và làn sóng đẹp với Bác Hồ, ở giữa cuộc đời, muôn năm giữa cuộc đời. Vân đá nổi những gợn sóng nhỏ, sóng hồng, sóng trắng. Được đến thăm Bác Hồ, kính cẩn chào Bác Hồ, mọi người bước trong dòng tin tưởng, tin yêu.

Tất cả màu đá chen nhau nô nức hội lại trước phòng Bác Hồ. Vân đá càng tíu tí, xôn xao động lại trên đầu

LĂNG BÁC HỒ

giường Bác Hồ, như mây, như hoa. Vân đá tám phía
mênh mông vờn vào đến đây, dồn lên hai lá cờ.

Đá đỏ hồng nền cờ. Đá vàng tươi ngôi sao năm cánh.
Cờ Đảng phấp phới búa liềm của giai cấp. Cờ Nước lấp
lánh sao vàng của dân tộc.

Thật vinh hạnh, chúng tôi được chung nhiệm vụ với
những đá đỏ, đá vàng, cờ Đảng, cờ Nước trong Lăng Bác
Hồ.

Biết bao chuyện như thần thoại kể về các công nhân
và kĩ sư địa chất tìm đá đỏ đá vàng về làm cờ.

Quê gốc đá đỏ ở các nước phương Đông kì ảo. Nhưng
đá gan gà, đá hồng đều chưa thật đá đỏ. Phải tìm cho ra
đá đỏ. Không đâu có được thứ đá sáng như lửa đương
đượm, giống những tảng đá đỏ miền Thượng Thanh này.

Vẫn chưa hết những kì tích về cuộc tìm đá.

Lịch sử dân tộc có những gặp gỡ kì diệu. Những tảng
đá đỏ, đá vàng này đã đi về đây từ những mỏ đá hiểm
hóc ở Điền Lư Bá Thước - vùng đất cổ của dân tộc, như
cát vàng ở Kim Bôi.

Đồng bào các dân tộc anh em Kinh, Mường, Dao đi
lấy đá về. Tiếng công, tiếng chiêng, tiếng trống lại vang
khắp thung. Những ngày hội lấy đá. Đuốc đình liệu và
ngựa lại chạy đưa tin sáng đêm. Các cụ chít khăn chàm
mới cùng các cháu vắn đá ra suối rửa rồi mới đưa lên xe.

Giữa ngôi sao trên cờ Nước và trong nét búa liềm cờ
Đảng, có những phiến đá mã não, đá ngọc bích. Đá ấy
được đem từ miền Nam ra, giữa những ngày Mỹ còn ném

bom miền Bắc.

Cuộc chiến đấu trên cả nước khi đó đương quyết liệt. Cũng trong khi ấy các chiến sĩ Nam Bộ đã tìm đến những mỏm núi miền Đông kiếm đá. Các chiến sĩ Quảng Nam nghe các cụ già ngoài thành Đà Nẵng nói trong núi Non Nước có đá quý. Thế là một trận đánh chặn địch đã mở vào sát sân bay Nước Mặn. Đá núi Non Nước được lấy ra. Rồi, vượt hơn chín trăm ki-lô-mét Trường Sơn, đá Non Nước đã tới công trường. Nền cờ đỏ, công nhân xưởng đá An Dương đã gọt hơn bốn nghìn miếng đá kết thành. Mã nào Đông Nam Bộ. Ngọc bích ở Lam Sơn. Lại cả đá đỏ đất Tây Sơn dấy nghiệp...

Một ngày gió nước hồ Tây trong veo. Hai triền Tam Đảo và Ba Vì xanh biếc hai bên sông Hồng dòng cuộn đỏ. Bóng đá in hình sông nước thiên nhiên quanh Bác Hồ.

Nắng chiều nắng sớm bốn mùa điểm trang khác nhau cho đá. Đây là màu sắc tình cảm của các họ nhà đá chúng tôi biểu lộ sâu sắc đối với sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ. Lòng thương nhớ cùng niềm tin chan hoà trước cuộc sống mới.

*

* *

Hơn ba mươi năm trước, Bác Hồ cùng đoàn cán bộ vượt biên giới phía bắc về nước.

Bác Hồ dừng lại ở hang đá Pắc Bó.

LĂNG BÁC HỒ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng...

Từ đây, chúng tôi thường được ở cùng, đi cùng Bác Hồ.
Bác Hồ đã từng mơ ước:

Một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc, để câu cá, trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em bé chăn trâu...

Non xanh nước biếc bây giờ là đây, có chúng tôi đây. Bên kia, nếp nhà sàn nho nhỏ, trên bờ ao cá có hàng rào rào bụt quế hương. Các cụ già và con cháu cả nước về với Bác Hồ.

Tôi lại bồi hồi nghĩ đến những triền đá, và một đồi đá. Những ngày đêm xa xưa. Trời Ấn Độ không một bóng mây. Châu Phi xích đạo nóng bỏng. Chúng tôi ở Việt Nam dầm nắng phương nam và hơi đất ẩm ướt các ngọn suối. Chúng tôi đời đời nằm trong khuất nẻo. Gió thổi mưa nắng qua mặt. Từ các thiên thể, ánh sao băng qua khoảng không vũ trụ sa xuống nằm cạnh. Chúng tôi mong có những trận mưa rắc xuống những đá đen đá vàng - mảnh thiên thạch, làn bụi sẫm màu, hoá thành đá như chúng tôi. Nhưng một đời chưa chắc đã gặp một trận mưa thiên thạch. Mong ước vẫn là nhiều hơn. Vắng ời là vắng!

Bây giờ chúng tôi được về đây.

Tin vui chúng tôi được về Lăng Bác Hồ đã vang động. Các bạn khắp trái đất reo mừng chúng tôi.

Các bạn bốn biển cũng kể những điều chúng tôi

chưa hề được biết. Các bạn nói các đảng ấy được vinh dự lớn. Nhưng "không phải chỉ các đảng ấy mới được ở gần Bác Hồ. Chúng tôi đã từng được gặp Bác Hồ từ lâu".

Đây là đá Thành Đỏ ở Tân Đề-li. Bác Hồ đã có lần đứng trên toà thành đá ấy dự mít tinh của nhân dân các dân tộc Ấn Độ chào mừng.

Đây là các bạn chúng tôi ở Côn Minh, ở Liễu Châu, ở Trường Thành, ở Diên An, ở núi Tây Phong. Những nơi Bác Hồ đã từng ở, và từng qua hoạt động cách mạng.

Các bạn chúng tôi ở núi Gấu trong bán đảo Crưm trên Hắc Hải, nơi có trại hè thiếu nhi quốc tế Chim chơi chơi cũng khoe Bác Hồ đã có đến. Bây giờ, ở trại hè còn có bức ảnh Bác Hồ quàng khăn đỏ đứng giữa các cháu, trên tảng đá núi Gấu.

Mũi Hảo Vọng cực nam châu Phi.

Vùng đá san hô và bãi lầy quần đảo Ba-ha-ma vào biển Ca-ri-p-bê ngợp sóng Đại Tây Dương.

Những sườn đá cửa biển Ca-ra-vát ở Vê-nê-xu-ê-la. Những đường công viên lát đá ẩm ướt trong sương mù ở Luân Đôn.

Bác Hồ đã từng đến những vùng đá xa xôi ấy.

Những triền đá ở đây đã được in dấu chân Bác Hồ và biết đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ. Nhiều nơi, trước kia Bác Hồ đã đi qua, từ những khi chúng tôi chưa biết.

II

Rừng thân yêu và các chiến sĩ giải phóng. Đi suốt Trường Sơn mới thấy tinh thần và sức lực, cả nước vì miền Nam ruột thịt. Gỗ quý miền Nam được vinh dự to lớn.

Những đoàn chiến sĩ tiêu biểu của đơn vị miền Nam về Hà Nội, được vào thăm Lăng Bác Hồ.

Không làm sao phân biệt được các chiến sĩ đóng quân miền Đông hay ở Tây Nguyên, hay ở Hậu Giang, hay ở Quảng Đà. Ngày nào cũng có, các chiến sĩ tề chỉnh, mũ mới, quần áo quân phục còn nổi cát xanh ánh.

Đoàn người khắp nơi qua trước thềm Lăng, nối tiếp như ý chí nối tiếp nhau. Dòng người không bao giờ hết ấy, là hình ảnh lời thề: đất nước vâng lời Bác Hồ, mãi

mãi vâng lời Bác Hồ. Các thế hệ quyết làm cho Tổ quốc ngày càng giàu đẹp. Đất nước và chúng ta xứng đáng với lòng tin yêu của Bác Hồ.

Ở chiến trường và trong cuộc đời, người chiến sĩ nào cũng có những kỉ niệm sâu sắc về Bác Hồ. Có phải từ khi bạn học lớp một ở trường làng đã thuộc năm điều Bác Hồ dạy và làm công tác Trần Quốc Toản. Có phải ai mới lớn lên, cũng đã được nghe biết bao lần bố mẹ kể những chuyện kháng chiến, chuyện tản cư, chuyện đánh Tây. Bác Hồ ra lệnh toàn dân kháng chiến trường kì đánh Tây rồi đánh Mỹ cho tới ngày nay. Người chiến sĩ đã được có Bác Hồ trong tâm tưởng từ thơ trẻ.

Người thanh niên vào bộ đội rời làng quê ở một làng bờ biển cửa sông Hồng. Những năm ấy, quân Mỹ đang ồ ạt tràn vào miền Nam. Ở mặt trận anh đã được cơ hội thấy tinh thần Bác Hồ đến khắp nơi, trong mọi người. Giơ tay đọc mười lời thề của quân đội nhân dân Việt Nam, anh thấy Bác Hồ nhìn anh, mỉm cười vui lòng. Anh có hình Bác Hồ trong quyển lịch quân đội bỏ túi. Anh đặt hình Bác Hồ trong tờ giấy bóng và để vào chiếc mũ giải phóng. Chiếc mũ và anh đã đi khắp, đã tham dự hàng trăm trận đánh. Anh vẫn sống, vẫn cười tươi và bảo vệ được Bác Hồ trên mũ anh.

Mùa thu năm 1969, đêm trong rừng Đông Nam Bộ, Đài tiếng nói Việt Nam báo tin Bác Hồ đã qua đời. Đêm rừng sâu, bóng cây và cả đơn vị im như bóng trắng. Sáng sớm, trước khi xuất kích, đơn vị làm lễ truy điệu. Các

LĂNG BÁC HỒ

anh quay nhìn về phía bắc. Anh chưa được gặp Bác Hồ lần nào. Nhưng bao giờ anh cũng cảm như Bác Hồ là ông nội mình, là ông thân thiết trong nhà.

Các chiến sĩ, nước mắt vòng quanh. Anh nhìn vào lòng mũ. Bác Hồ vẫn mỉm cười, nhìn anh. Anh nghĩ theo câu hát.

... Bác kính yêu đang cùng chúng cháu hành quân...

Người chiến sĩ ấy hôm nay từ chiến trường về với Bác Hồ. Bất cứ ở đâu các chiến sĩ đồng đội đều chăm chú đến những đồng chí được vinh dự này. Các anh phải cố được ở bên Bác Hồ lâu nhất, được ngắm các thứ trong Lăng Bác Hồ nhiều nhất. Các anh có nhiệm vụ kể lại cho bao nhiêu đồng chí chưa được về Lăng.

Người chiến sĩ ấy vào phòng Bác Hồ nghỉ. Thoạt thấy Bác Hồ, mắt anh rung rung. Nhưng anh không khóc. Trong khoảnh khắc, anh thoáng nhớ lại những năm tháng vừa qua trên mặt trận. Đời học sinh bước vào đời lính, trải những sự việc không bao giờ có thể quên. Quãng thời gian ấy để lại cho cả đời anh những bài học thấm thía nhất. Tình đồng đội. Chí căm thù giặc. Ý nghĩa đất nước và Tổ quốc trước thời đại. Thừa Bác Hồ, cháu đây - thế hệ chúng cháu đã đi cứu nước đến ngày toàn thắng, xứng với lòng yêu của Bác. Cháu bị thương ở cánh tay, ở mặt, nhưng Bác trông cháu, cháu đến chào Bác, cháu vẫn đang hoàng. Cố gắng, luôn luôn cố gắng, vốn là đức tính của người quân nhân cách mạng được Bác Hồ dạy dỗ.

Anh chiến sĩ thấy Bác Hồ mỉm cười, như Bác Hồ đáp lời chào từ biệt anh. Anh đã bước đến phía cửa ra. Bấy giờ anh mới bối rối. Từ nãy, anh không để ý đến xung quanh.

Nhưng anh đã định ninh một ý nghĩ:

- Bác Hồ đấy! Bác Hồ ta ở đây. Hằng ngày, Bác Hồ dạy dỗ ta, bảo ban ta... Thế là anh cảm thấy yên tâm.

Rồi anh chiến sĩ bước ra thêm Lãng. Ngoài vườn, những bụi tre bụi trúc vờn trước mặt, thân thiết như mách người đi xa biết đã về tới đầu làng. Tưởng đây cũng như đầu làng anh. Anh tần ngần đứng lại.

Anh nhìn lại tấm cửa gỗ nu trên lối vào phòng Bác Hồ. Anh chiến sĩ tần ngần ngắm cánh gỗ to lớn giữa thành đá. Không phải bỗng dưng anh chiến sĩ đứng lại, băng khuâng nhìn. Anh đã được nghe từ trong kia rằng mọi thứ đồ gỗ nơi Lãng Bác Hồ đều bằng gỗ quý miền Nam.

Màu gỗ nu lên nước, soi gương được.

Thong thả, anh chiến sĩ bước lại trước tấm cửa. Đẹp thật. Quả là mặt gỗ phẳng như mặt nước. Anh soi thấy hình anh trên tấm cửa. Anh mỉm cười. Anh đứng im. Anh lại mỉm cười. Anh vui. Anh cảm động.

Ngạc nhiên, anh nghe có tiếng hỏi trầm trầm từ cánh cửa.

- Nhớ ra tôi a?

Anh im lặng. Giọng nói miền Nam như chen lẫn

tiếng gió thổi trong rừng, trong khe đá, trên mặt suối.

Vẫn tiếng trầm trầm:

- Ờ, quên sao được! Trong đời chúng mình, những kỉ niệm ấy không bao giờ phai mờ đâu. Nhớ không, hôm ấy, ở rừng Bến Rây bên kia Dầu Tiếng, cuối cùng, còn hai chúng ta đối đầu với bọn Mỹ.

Người chiến sĩ nhớ ra ngay.

Đúng thế, trong đời chiến sĩ, những kỉ niệm cứ như bức tranh sơn dầu, càng lâu càng ăn đậm ảnh hưởng vào thời gian. Trận đánh ác liệt ấy, khi máy bay Mỹ đến rải bom na-pan xuống, ở góc rừng chỉ có anh chiến sĩ và cây gỗ nu cao đó.

Tình đồng đội chẳng những thân thiết đến quên mình vì nhau, mà, ở chiến trường, một mô đất để nấp bắn, một mép bờ thấp để tránh đạn, một rừng cây che tránh máy bay, cả thiên nhiên cũng đùm bọc tình đồng đội. Các chiến sĩ xe tăng kể trận đánh chiếm Buôn Mê Thuột mở đầu năm mươi lăm ngày toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Xe tăng tắt rừng vào tấn công thị xã. Những cánh rừng đã được các chiến sĩ và du kích cưa móm gốc cây. Chiến sĩ xe tăng tiến lên trông thấy cánh rừng từ từ ngã xuống, mở đường cho xe tăng qua, mà lòng bồi hồi yêu rừng, rừng cũng biết hi sinh.

Anh chiến sĩ vẫn chưa hết ngạc nhiên. Anh sờ tay lên mặt gỗ. Muốn biết cánh cửa của thợ giỏi, cứ xem cái mộng thì rõ. Nhà anh ở tổ mộc hợp tác, đã mấy đời làm mộc. Anh thuộc nghề gỗ. Anh miết tay lên quang mặt

mộng xiên góc, thấy hai bên má gỗ cửa liền vân, phẳng lì.

Anh nói như khoe:

- Mộng mời của thợ mộc Giao Thủy đấy.

Anh chiến sĩ ngạc nhiên hơn, khi nhớ mình đang đứng trước cửa Lăng Bác Hồ. Nhớ về năm ấy, trong cánh rừng miền Đông...

Anh chiến sĩ hỏi:

- Có phải cây gỗ nu rừng miền Đông đây không? Làm sao mà lại về được nơi thiêng liêng này?

Tiếng cười đáp lại:

- Đàng ấy được đến đây thì mình cũng được đến đây chứ. Nhưng tôi phải hỏi anh trước. Làm sao còn sống, mà về tận đây?

Anh chiến sĩ nói to:

- Lòng tin cho ta sức mạnh. Chúng ta đã chiến thắng. Lòng tin đưa chúng ta đến đây.

- Đúng như thế!

- Nhưng thật thì mình vẫn lạ. Thế nào mà cây gỗ nu miền Đông về được tận Lăng Bác Hồ?

- Câu chuyện khá dài đấy.

*

* *

Anh chiến sĩ nhớ lại cuộc chiến đấu.

LÃNG BÁC HỒ

Trong đời chiến sĩ, đối mặt với quân thù, biết bao nhiêu giờ phút quyết liệt đã qua, mà những ghi nhớ không bao giờ quên.

Miền Đông Nam Bộ hồi ấy, Mỹ coi là căn cứ kiên cố của ta, chúng lao đầu vào đối phó. Từ Củ Chi ngoại ô Sài Gòn ngược lên qua Tây Ninh đến giáp giới Campuchia, những đơn vị thiện chiến của Mỹ rải ra đều khắp.

Trong rừng hoang, rừng cao su, dọc sông Sài Gòn và những miệt vườn xanh mướt, các trận giáp chiến đêm ngày xảy ra. Những nơi xa xôi hẻo lánh, những làng xóm, những thị trấn trở thành tên những chiến công. Trâm Vàng, Làng Mười, Bến Cát, Téch Ních, Bến Rãy, Bến Súc...

Anh chiến sĩ nhớ lại một trận đánh.

Một tổ ba trinh sát đi làm nhiệm vụ. Những tổ trinh sát của ta đan như chằng lưới quanh các đồn giặc, ở đâu cũng có, cả đến những làng bị Mỹ bắt về tập trung quanh đồn. Các vùng lầy rậm rạp cây nước, đàn rắn quăng mình chuyển nơi ở, muỗi bay lên như khói. Ở đấy có rắn hay còn có bầy, có mìn. Chỗ nào cũng đầy cái chết rình chúng. Rừng rú quanh co mịt mù, biết đường đi đâu về đâu. Càng sắp vào mùa tạnh mưa bão, càng lo như diên.

Bọn Mỹ đêm ngày lần ra quanh căn cứ, rình mò, xem xét, tìm kiếm.

Đêm ấy, cuối tháng. Không có trăng. Bốn phía trời

cứ như chớp giật, chột xa, chột gần. Địch bắn pháo sáng suốt đêm. Chúng phải chống lại cả bóng tối. Nhưng mà, làm sao được, đêm dịu hiền với ta, lại dữ dội với kẻ thù. Bóng đêm đã xuống trên khắp mọi vùng. Những trận đánh, những chuẩn bị chiến đấu.

Tổ trinh sát có nhiệm vụ nắm địa hình và tình hình kho đạn giữa căn cứ địch một lần nữa. Quá nửa đêm đã vào được.

Gần sáng, các chiến sĩ rút về. Ra khỏi ấp chiến lược, vào rừng. Vùng trăng một mảy sáng, nhớn như cười. Nỗi khó nhọc suốt đêm, như tạm khuây. Miệng cười ông trắng giục bước đi.

Nhưng một điều không ngờ, địch đã phục lối ra quanh rừng.

Cánh rừng cao su, từng hàng thẳng tắp, vòm lá chen nhau, kín bưng, đi mãi vẫn mịt mù như thế.

Đã hẹn nhau hướng và chỗ gặp lại ở một gốc cây nu cổ thụ. Anh chiến sĩ về tới gốc cây trước nhất. Nhìn quanh, không có dấu vết khả nghi. Anh ngồi thiu thiu gà mắt.

Chợt ngoài đầu rừng ran tiếng súng.

Anh choàng tỉnh. Anh bình tĩnh đứng dậy. Có lẽ anh em ta đã bị địch chặn ở đấy. Súng vẫn còn lên, nhưng nghe tiếng nổ xa dần về phía đằng kia.

Trời vừa dửng sáng. Mấy cái "cán gáo", cái OV10 âm âm đến lượn tròn sát ngọn cây.

LÀNG BÁC HỒ

Một băng đạn vèo đến.

Địch đã trông thấy anh chiến sĩ. Địch dưới đất báo hiệu ở đâu, anh chưa biết. Anh nấp xuống sau gốc cây. Thế là trận đánh bắt đầu. Không biết bọn địch đông đến thế nào. Phía ta chỉ có một tay súng. Địch bắn tới tấp. Đạn liên thanh veo veo. Đôi lúc, cả súng còi.

Nhưng chúng nó không xông tới. Có thể địch chưa rõ lực lượng ta. Có thể chúng đợi tiếp viện. Nhưng không một lúc nào ngớt tiếng súng bắn tới. Đây là một cánh rừng phẳng. Nếu không có cái gốc cây nu, không còn một nơi ẩn nấp nào khác. Những làn đạn chéch lên, cành cây gãy rãng rắc. Mảnh đạn cắm bùm bụp vào thân cây. Anh nghĩ cây này cây gì mà quý như đồng đội sống chết với mình. Những chiếc lá to xanh sẫm trúng đạn đương rơi lả tả. Đến đây đã mấy lần mà không để ý chòm lá. Nhưng bây giờ thì biết là cây nu to như thế. Và đã biết làm hầm mà được gỗ nu chống nóc thì mấy mùa mưa cũng không sợ mục, sợ mối.

Một chồm mũ sắt nhấp nhô cuối bờ suối cạn. Chúng nó muốn xông lên. Chúng nó lúi húi. Được, cứ lên đây. Tao sẽ làm cho mày phải thẳng cẳng trước mặt tao. Thật đấy. Có cái bóng bò rạp, giữa bờ cỏ rậm và một gò đất. Cái trước, cái sau, trên nền đất mờ mờ, như những con chồn đi tìm ăn sớm. Một đứa đã lên tới gò đất. Ngon xơi quá. Thằng sau, lại thằng sau lên nốt.

Như hai con thằn lằn. Anh chiến sĩ bắn một phát. Viên đạn xuyên chúng nó ngã nằm, xâu tảo suốt hai

đứa. Cứ nằm úp mặt, chết không ngo ngoáy. Xung quanh, lại khét let khói. Đạn cắm tua tủa vào gốc cây. Cây ơ cây, đạn đâm vào mảy thế, mảy vẫn ngang nhiên, giỏi thật. Các gốc cây im lặng làm cái lá chấn cho người chiến sĩ. Cây rừng ta cũng đánh giặc.

Một tên khác nhảy vọt qua gờ đất. Viên đạn của anh chiến sĩ bắn nó chết hăng ngay giữa bước nhảy. Không đứa nào ngoi lên nữa.

Cây và người lại im lặng. Bóng cây trùm xuống, yên tĩnh. Bây giờ anh chiến sĩ mới nhận xét vùng rừng hoang. Có lẽ những năm trước đã có lần Mỹ thả bom na-pan, thả thuốc khai quang xuống đây. Cỏ tranh sùi lên thành búi, đã chết đi sống lại nhiều lần. Cả đám rừng già chết đứng trơ trụi, nhưng cây nu vẫn xanh hiên ngang.

Buổi sáng chưa hết, đã lo còn một ngày dằng dặc trước mặt. Xung quanh, không phía nào có mô đất, có gốc cỏ tranh, có bụi cây để lẫn đi được.

Đạn dịch lại tưới quanh gốc cây.

Nhưng anh chiến sĩ tin không thể chết. Các đồng đội chắc đã đi thoát. Sơ đồ vùng kho trong đồn đã về tới ban chỉ huy. Còn ta ở đây, cũng không lẻ loi. Cây nu với ta đánh giặc. Anh thoáng thấy trong rừng xa, hình như ngọn cây đã chớm xanh xanh. Ngọn cây ra lá non hay là bãi cỏ thấp thoáng. Tự nhiên, lạ lòng chưa, một con chim bạc má ở đâu ngơ ngác đến, móng chân còn ướt sương, đậu ngay trên lưng người chiến sĩ. Như sự sống

tươi vui đến động viên. Trông rõ rồi, đằng ấy có những búi riềng dại - cây riềng dại không thể thuốc độc nào diệt được. Những con bướm vàng chập chờn phấp phới đến. Lại một niềm vui tới.Ồ, được ra chỗ đàn bướm vàng, hạnh phúc biết bao. Trong gốc cây, một đám nấm được hơi ẩm, đã lên lổm chổm. Chao ôi, có lẽ thế là mùa xuân đã đến rồi.

Đột nhiên, một chiếc OV10 lạng xuống, xoáy tròn trên chòm cây nu. Một chuỗi lựu đạn khói xanh rơi trước mặt anh, nó đánh dấu cho máy bay ném bom.

Anh chiến sĩ chỉ kịp nhìn ra. Một đàn máy bay đã toả bóng rợp đen. Rừng chao đi, bốc cháy. Chúng ném bom lửa. Chúng muốn thui cho chết cháy cả người, cả rừng.

Mù mịt.

Tấm cửa gỗ nu trong Lăng Bác Hồ tiếp lời anh chiến sĩ kể chuyện:

Mỹ giết thế nào được hết cây rừng. Anh đã biết, rừng miền Nam có giống riềng dại rất dai sức, không sợ bất cứ loại thuốc độc nào của địch. Máy bay làm mưa hoá học xuống xám mờ. Nhưng rồi, gió thổi bay tro đi, chòm riềng dại đã chết lại nảy đọt, lên đọt xanh óng. Đến mùa mưa, những búi cây nở hoa đỏ ối - nhón nhơ như chơi như giỡn giữa vùng rừng xám ngắt, không còn dấu vết một mầm sống.

Cũng không phải cánh rừng chết cả đâu. Những rễ phụ, rễ cái, càng sâu vào lòng đất, càng ngậm nước

quanh năm. Trên triền đá vôi ngùn ngụt nắng, những cây ngô của các dân tộc ở núi cao mọc trong hốc đá ẩm vẫn tươi tốt.

Cả cánh rừng khô queo, những rễ cây vẫn ngậm sức. Mùa xuân đã đến rồi. Mầm cây lại đâm ra. Cái sống lại chan hoà trở lại. Màu xanh đầu tiên phơ phất trên cỏ tranh, trên búi riềng dại cứ dần dần mơn mớn.

Cây gỗ nu tôi đã sống sót như thế. Tuy nhiên, nhiều bạn tôi đã ngã hẳn. Tôi nhìn quanh tan hoang, chơ vơ những thân cây chết đứng. Rừng phương nam, biết bao giống gỗ quý. Nhưng còn lại cây nào chỉ là sống sót. Bọn Mỹ thật độc ác.

Những trận mưa đầu mùa từ đằng xa đã đẩy nguồn nước trong lòng đất ứa ra, xanh đen, lốm đốm phủ những bông hoa riềng đỏ đầu tiên. Mầm mọng và lá non hớn hở trên cành đầy mùi thơm trong tiếng chiu chít đàn chim vừa bay vào chòm hoa bằng lăng màu tím. Cây rừng sống lại, vươn vai. Mùa xuân lại bắt đầu. Mùa xuân đẹp làm sao!

Dần dần, tôi hồi phục. Những trận mưa đã lau trôi hết những ghẻ lở độc đắng khét trên thân cây. Những tán lá to dần, che đi những cành trụi bị thương. Tôi không còn trông thấy những vết giết mình. Nhưng nỗi đau máy bay Mỹ gây cho tôi thì không lúc nào nguôi.

Chẳng bao lâu, tôi hoàn toàn trở lại một cây nu to, cao, tàn lá xoè rợp, xanh om.

Cũng như quang cảnh xung quanh lại rộn rã lại lặng

lẽ theo mùa thay đổi. Mỹ càng lỏng lộn ném bom bắn phá dữ, thì mỗi mùa mưa qua lại xuất hiện nhiều sự việc mới hơn, khác hơn.

Việc mới đầu tiên là cả hệ thống đồn bảo vệ kho đạn của địch đã nổ tung. Lửa cháy liên mấy ngày đêm rực một góc trời. Người các ấp chiến lược quanh rừng cao su đã phá rào kẽm gai, bỏ về làng hết.

Tôi không biết anh còn sống hay đã hi sinh. Nhưng trận đánh các anh đi trình sát chuẩn bị đã hoàn thành. Tin đồn thắng trận qua khắp các rừng. Tôi nhớ các anh lạ lòng.

Tôi được hưởng kết quả chiến thắng đó thật thích thú. Không nghe đại bác bắn qua ngọn cây nữa. Những con diệc đỏ ăn đêm ngoài sông sớm sớm bay về qua kể lại rằng quân Mỹ đã lùi xuống biển rồi.

Đêm kia, tôi thấy trước mặt, phía bìa rừng, có một đốm sáng sáng. Rồi mấy đốm sáng. Tôi đoán, như dạo trước, Mỹ đi rình. Mỹ lại trở lại cao nguyên rồi a? Lại gay go đây.

Nhưng rồi những đốm sáng chỉ nhấp nháy một chỗ. Hay là thú rừng? Những con hươu, con hoẵng, con báo... Nhiều năm rồi, bom Mỹ đã đuổi các bạn hươu nai biến đâu mất cả. Những gì lấp lánh sáng một chỗ thế? Chịu không đoán được.

Có lúc nghe tiếng thì thảo. Ngõ gió thổi. Sao cảm thấy trên cành không thấy vẩy một cái đuôi lá. Không phải gió. Tiếng máy bay, tiếng xe xích, hay tiếng người.

Hình như tiếng thì thảo ấy chỉ đứng nguyên đằng chỗ đốm sáng. Có lẽ Mỹ trở lại đóng đồn ngoài rừng như năm trước, chúng nó lại đi mò thám chẳng?

Đến sáng ra thì tôi biết đấy là cái gì. Mừng không thể reo lên được. Các anh đã trở về. Không phải các anh đi qua, mà các anh ở lại, đằng hoàng. Lâu lắm mới được thấy bộ đội.

Võng mắc la liệt đằng ấy. Bộ đội về càng nhiều. Từng tốp đi ngấm quanh vùng. Các anh khuôn vác, đắp đất, mấy ngày liền. Các anh làm một khúc đường men cửa rừng. Một bên khơi thành rãnh để phòng mưa thoát nước. Dọc phía kia, trồng những cây phi lao nghi trang che mặt đường. Giống phi lao khoẻ lắm, rễ bấu cả cát, chóng lớn như gió thổi. Tàn thuốc khai quang máy bay Mỹ ném xuống chẳng mùi mễ gì với nó cả. Mai kia cây lên lá, con đường qua rừng sẽ khuất trong bóng cây. Người và súng ống, xe cộ, lương thực tha hồ đi vào các mặt trận phía nam.

Rồi lần đầu tiên trông thấy một đoàn xe vận tải của bộ đội đi qua. Mới thoát thấy, không hiểu. Nghe tiếng âm ì xa xa, tưởng máy bay. Nhưng không thấy tiếng lướt xé tai tới. Rồi như cả cánh rừng phía trước lung lay. Như cơn bão cạn tràn đến chân rừng. Những bụi cây từ từ tiến lại như cả cánh rừng biết đi đương bò ra trước mặt tôi.

Đấy là đoàn ô tô phủ kín cành lá. Tôi trông thấy những xe xích, những xe tăng kín mít. Hết một rừng cây.

Rừng cây giả ấy đã bị mất được máy bay Mỹ. Tôi bồi hồi nghĩ đến những năm trước. Có đến ngoài mười năm, tôi vẫn nhớ như in, những chiến sĩ lưng đeo ba lô ruột tượng đựng gạo vắt vai. Vào mùa mưa trớn, tay chống chiếc gậy. Đêm đến, các chiến sĩ mắc võng ngủ lại trong bóng cây. Rồi lại đi, lại đi, miên man từng tốp, chân đồng vai sắt đi mãi.

Đây là các chiến sĩ mở đường từ Trường Sơn toả xuống, các chiến sĩ dũng cảm mở đường...

Bây giờ thì khác hẳn. Những đoàn xe chở quân. Rầm rập ngày đêm xe xích, xe tăng hành quân với các chiến sĩ bộ binh.

Đã nhiều chuyến xe qua. Tôi phân biệt được trong mỗi xe có những thứ khác nhau. Có xe chất hòm đạn cao. Có những chiếc xe cành lá phủ kín mà vẫn ngật ngưỡng thò ra cái nòng súng lêu nghêu. Xe chở tên lửa dài hơn cả, kèn còi khắp đường.

Trong kia, các vùng giải phóng đã mở rộng, càng nhiều. Biến đổi tới nơi, chiến thắng tới nơi rồi.

*

* *

Khoa học về thảo mộc đã phát hiện cho thế giới biết cái cây không phải vật vô tri. Cái cây biết nhìn, biết nghe, cái cây biết chữ, biết nghĩ và xúc động, và nhớ lâu, rất lâu. Cái cây cũng như con mèo, con chó gần gũi

cạnh người - cái gì cũng biết. Chúng nó chỉ còn thiếu sót là không biết nói. Bây giờ, người ta hiểu hơn thế, cây biết cách nói riêng, cây có tuổi, mà cây nhớ tuổi đúng, không cập rập như người hay quên, hay nói nhầm tuổi.

Mỗi năm, trong lòng cây lại in thêm một đường vòng vào thớ gỗ. Thời gian ghi tuổi vào người tôi như vậy thì tôi quên thế nào được.

Tôi bây giờ có hơn năm trăm vòng tuổi. Biết bao việc đời đã được ghi nhớ trong lòng gỗ nu tôi.

Cái cây còn nhiều bí mật mà người chưa biết hết. Khoa học loài người mới khám phá ra, những vòng tuổi đeo trong mình cây và những vân gỗ, thớ gỗ là chữ của cây.

Hãy hình dung ra vỏ cây là bìa sách. Từ giác đến lõi gỗ, mỗi đường thớ vòng là một trang giấy. Mỗi nét vân trên thớ cũng là hàng chữ chép chuyện đời cây. Tập nhật kí đời cây giao tiếp với thiên nhiên và bè bạn, thật phong phú. Các nhà thảo mộc học ngày nay đã biết đọc các vân gỗ như đọc chữ. Những hàng chữ trong mình cây ghi lại những sự việc xảy ra xung quanh cây và đời cây với những kỉ niệm mưa bão xúc động nhất trong thời gian ấy. Người ta đã nhờ cây mà hiểu được ở đây, năm ấy, có bão, có động đất và mưa nắng thế nào. Mỗi thân cây, dù bé bỏng tới đâu, trong thân cây cũng mang quyển nhật kí đời mình như thế.

Cây cỏ rừng phương nam đã ghi, đã mang vết tích lịch sử cây cối cùng dân tộc chiến đấu chống ngoại xâm

ba mươi năm nay.

Loài người mới hiểu biết chúng tôi đến thế thôi. Cây còn trong mình nhiều bí ẩn, với tình cảm đẹp, như cuộc phiêu lưu kì lạ và hào hứng của tôi sắp kể đây. Đừng nhìn cây một cách lạnh lùng. Chỉ vì bạn chưa hiểu cây đấy. Khoa học càng nhiều khám phá, giao lưu tình cảm giữa cây và người càng mở.

*

* *

Cánh cửa gỗ nu Lăng Bác Hồ kể tiếp:

Đoàn xe bộ đội tới. Xe qua lại gốc cây tôi bây giờ thường ngày, thường đêm, dừng lại trong bóng phi lao rì rào.

Tôi đã quan sát được thói quen vào ra cùng các thứ chuyên chở của các đoàn xe.

Xe vào, các chiến sĩ ngồi chật lưng xe. Những xe chở đạn, chở bao gạo, những hòm thực phẩm, lương khô và đường. Những xe kéo pháo các loại. Các đoàn ra thì cứ ngấm mọi thứ trên xe cũng biết tình hình. Khi có xe chở thương binh là chiến dịch đang mở. Xe chở lúa giống, ngô giống, biết được mùa cày cấy ở các khu giải phóng. Có năm, áp Tết, xe đầy ắp đậu xanh. Các đồng chí lái xe kể đậu xanh ở vùng giải phóng gửi tặng đồng bào hậu phương làm nhân bánh chưng ăn Tết.

Lần ấy, xe ra chở nhiều gỗ quý, có loại trắc đen, bây

giờ tôi mới được thấy.

Lạ lòng, tôi hỏi:

- Các cậu đi đâu?

Cây trắc đen ngoài cùng thùng xe, nghiêm trang nói:

- Đi công tác!

Cây giáng hương hãnh diện:

- Chúng mình có công tác ra hậu phương.

- Ra miền Bắc a?

- Có thể về tận Thủ đô.

Trước khi đoàn xe chuyển bánh, trắc đen bảo tôi:

- Cậu to cao thế, đạt tiêu chuẩn đấy.

Tôi hấp tấp hỏi:

- Tiêu chuẩn thế nào?

- Đi công tác như chúng tớ.

Đoàn xe chờ sẵn lại đi ngay. Tôi đắm đắm trông theo. Đoàn xe đã khuất vào bóng rừng mà tôi như trông thấy đương rầm rộ, băng băng vượt đường về miền Bắc.

Đoàn xe vào Nam. Đoàn xe ra Bắc. Những đoàn xe bây giờ vào ra cả ban ngày. Rẻo rừng ngổn ngang năm trước, cây đã toả xanh. Những đoàn xe ung dung đi trong bóng cây.

Tôi càng bồn chồn. Ừ thì tôi cũng có công tác, đã từng công tác. Nếu địch mò tới, góc rừng thành mặt trận, tôi là công sự chiến đấu - tôi kiên cố và linh hoạt hơn bao cát, hơn mô đất, hơn cả xi măng. Thực tế ấy của

tinh thần tôi đã được thử thách nhiều trận chạm trán địch của các chiến sĩ.

Nhưng tôi vẫn băng khuâng. Ai cũng đi những đâu những đâu, ai cũng đến rồi vội vã đi, mình vẫn đứng đây, thật không yên tâm. Kẻ rong ruổi đường xa không nghỉ ngơi nhiều bằng kẻ đứng lại.

Hôm ấy, có một toán chiến sĩ từ trong rừng ra, đến bên tôi. Các chiến sĩ thường qua lại, hoặc mắc vớng nghỉ. Đã lâu lắm, không có đạn rơi tới đây. Những quãng lửa đại bác, lửa pháo sáng ban đêm không thấy lao ngang nữa. Địch đã bị đẩy lùi ra phía biển và vùng giải phóng có những đường xe quan trọng qua đã được bảo vệ. Mấy mùa mưa rồi, chúng không mò vào được. Không còn cái khi khó khăn mà một sợi khói của bếp nuôi quân cũng phải bắt luôn xuống đất. Trời sáng đến nơi rồi.

Các anh đứng lại, nghiêng ngó ngắm tôi.

- Lạ chưa, chỗ này thằng Mỹ rải thuốc khai quang mấy lần rồi mà cái cây vẫn sống nhăn. Thế có giải không!

- Cây rừng Việt Nam cũng kiên cường.
- Sẽ cho cậu ta đi chuyến này!

Tôi hỏi to:

- Đi đâu thế?

Một chiến sĩ đứng nghiêm giơ tay chào tôi, rồi nói:

- Chúng tôi đưa gỗ quý đi công tác.

Tôi reo lên:

- A!

Một chiến sĩ ngân ngữ:

- Nhưng mà, nếu đưa cây này đi, quăng đường có trống lăm không?

Tôi hấp tấp nói ngay:

- Không đâu! Không đâu! Những rặng phi lao xùm xoà kia, các anh không để ý à? Cành nó cao đến ngang lưng tôi đấy.

Tôi khẩn khoản, vật nài:

- Cứ cho tôi đi. Ai cũng đi, tôi đứng mãi một chỗ, đâm ra buồn quá, các anh ạ!

Các anh ấy không nói. Mấy lần trèo lên tận ngọn tôi, lấy tay vỗ vỗ từng quăng, xem thân cây chỗ chắc chỗ lép thế nào. Bác sĩ đương khám sức khoẻ cây.

Rồi tôi được như ý.

Ngày kia, các chiến sĩ và đội công nhân lâm nghiệp đến ngả tôi xuống, sửa sang cho tôi thành một cây gỗ gọn ghẽ. Đường kính tôi bảnh bao ngang hơn một thước. Tôi được đưa lên một xe ba cầu trong đoàn xe ở chiến trường ra. Một mình cây nu tôi chiếm chỗ cả cái thùng xe rộng. Tôi nhìn lại nơi tôi ở từ tấm bé. Trời ở đấy thật cao và cũng trong xanh như trời Hà Nội hôm nay. Rừng cây uy nghiêm trập trùng. Chia tay các bạn cây cỏ một rừng. Cuộc chia tay trên đường công tác, không có ngậm ngùi.

LÀNG BÁC HỒ

Tôi rời quê hương, mang đi trong thân mình cả những mảnh đạn, mảnh bom của Mỹ. Những kỉ niệm kì quái ấy khiến tôi phải nghĩ sâu xa về cuộc đời và sự sống - có từng trải mới biết quý từng giây phút thời gian.

*

* *

Đoàn xe chở gỗ đi ngày đi đêm. Con đường tun hút, đi ngang vào những triền núi. Đôi khi tưởng đến đấy cùng đường, nhưng xe lại ung dung chạy, như mở khe đá ra.

Những quãng đường lên cao nguyên, khác hẳn lối đi trong bóng rừng quê tôi. Cuộc chiến đấu ở đây thật ác liệt. Từng đàn B.52 đến mưa bom. Bụi đất đá mù mịt suốt ngày. Đêm đến, lửa bom đỏ như cháy rừng.

Đoàn xe vẫn lầm lũi đi. Ở quãng núi vừa bị bom, lại thấy thanh niên xung phong giữ đường, cả trai cả gái từ đồng đá chui ra, san lại thành đường mới.

Mặc bom, mặc núi đổ, mặc máy bay Mỹ lồng lộn, các đoạn đường ra vào cứ nhộn nhịp thêm. Thỉnh thoảng có những cây gỗ to nhất bên đường.

Các ông già người dân tộc Ê Đê, vai vác chiếc rìu, đứng đợi xe tới.

Ông lão hỏi, như hét:

- Có phải xe chở gỗ quý đấy không?

- Dạ!

Những cây gỗ nằm ven đường từ rừng sâu được các ông lão kéo về đây. Rừng đại ngàn lần núi đá, cây to trong núi, tuổi cứ tính hàng nghìn năm trở ra. Cây mọc kê đá, phải đánh nhau với đá mới nảy lên được, gỗ rắn hơn đá, đá không ví nổi.

Từ đỉnh núi, ngáng cây thành đường máng, cây gỗ được lao xuống. Các ông lão chập mấy cây song vào mũi gỗ, tì vai kéo ra tận đây.

Các ông lão ngồi tránh bom trong khe đá, nhìn ra. Thấy ô tô nào qua cũng vậy. Có đến mấy đám các ông lão ngồi canh gỗ như thế.

Các chiến sĩ lái xe xuống đỡ tay khiêng gỗ lên. Mấy ngày đường đã thêm nhiều cây gỗ mới. Càng rôm rả những câu chuyện rừng kháng chiến ở mọi nơi.

Đường Trường Sơn như những sợi chỉ rắc, vắn vèo dọc xương sống đất nước. Chúng tôi đi đây, xa xa mệnh mang phía chân núi là Buôn Mê Thuột, là Khánh Hoà, là Kon Tum và xuống nữa dưới kia, là Quảng Ngãi, là Quảng Nam trông ra biển Đông. Ở những nơi ấy, đâu cũng đương là mặt trận, những mạng nhện đường này đưa sức lực viện trợ của hậu phương lớn nối xuống tất cả các vùng giải phóng. Những con đường đan khắp thân mình Tổ quốc, từ cực bắc Cao Bằng, từ các cảng vịnh Hạ Long, tất cả đều tiếp người tiếp của vào đây. Con đường chi chít liên Nam Bắc khác nào mạch nước trong thân cây ngược xuôi từ đầu chùm rễ con lên tới đỉnh lá. Từ ngày ra đi, mỗi bước mỗi lạ.

Đoàn xe dừng lại một ngã ba giữa rừng. Phía tay phải, vòng núi, không biết qua còn đến cao nguyên hay xuống bờ biển.

Các chiến sĩ đông cả nghìn người đi xe đi bộ. Như những cánh rừng cũng rầm rầm chuyển theo người đi.

Các chiến sĩ lái xe bảo chúng tôi:

- Xuống nghỉ đây nhé.

Những cây gỗ tựa vai nhau, đứng ràn rạt ở góc rừng.

- Rửa xe hay sao mà phải xuống? Chưa tới suối mà.

- Không, đoàn xe bọn tôi đưa các đảng ấy đến đây thôi.

- Chúng tôi ở lại à?

- Thế này nhé. Xe chúng tôi sẽ đi tiếp đường khác, công tác khác. Nói lộ bí mật một tí nhé. Chúng tôi lấy đạn ở tổng kho đây tải xuống mặt trận dưới bờ biển. Các đảng ấy thì đi ra thẳng đường trước mặt. Chào tạm biệt nhé. Thế nào cũng còn có khi gặp nhau.

Chúng tôi cũng không khỏi bàng khuâng. Nhưng cũng chỉ thoáng nghĩ ngợi thôi. Công việc lại lôi cuốn tất cả đi.

Chúng tôi vừa xuống hết, các xe đã lại nhộn nhịp. Phía chân núi, trong các cửa hàng, chiến sĩ dân công vác ra những hòm đạn gỗ trắng, mới tinh. Trong giây lát, thùng xe nào cũng đầy ních những hòm đạn, những bao tải gạo.

Đoàn xe lại đi ngay.

Chúng tôi ở lại. Mới đấy còn ồn ào, phút chốc đã lặng ngắt. Nhưng im lìm cũng không lâu. Trên đỉnh núi, máy bay Mỹ ào ào qua. Từng tràng bom rải xuống đâu cứ ình ình suốt đêm.

Sáng sớm, có hai ông lão đến. Các ông búi tóc ngược, lưng đeo chiếc nỏ to. Một ông nói:

- Ô tô có khác, đi nhanh thật. Đến trước cả chúng mình.

Một ông hỏi:

- Phải gỗ quý Nam Bộ ra đây không?

- Dạ!

- Chúng tôi có công tác đưa gỗ đi.

- Các cụ ở đâu đến?

Một ông nói:

- Lão là dân tộc Cờ Tu.

Một ông nói:

- Lão là dân tộc Gia Rai.

Hai ông lão kể chuyện: Các vùng núi cao trên Trường Sơn có nhiều dân tộc anh em. Nghe tin gỗ quý miền Nam đi về làm Lãng Bác Hồ, nhiều người tranh nhau xin xuống đưa gỗ. Nhưng rồi chỉ có các ông lão đã đi nhiều, thuộc đường tắt, mới được đi. Quãng đường này khó lắm. Đấy, nghe tiếng rè rè trên đầu. Máy bay Mỹ mang máy dò hơi nóng dưới đất. Ở đâu có xe chạy, máy xe nóng, chúng đều biết, đuổi theo ném bom. Ở đầu trú quân đông, có hơi người, nó cũng đánh hơi thấy, đến

LÀNG BÁC HỒ

ném bom. Nhưng thằng Mỹ không làm hại được anh em ta đâu. Ta biết cách bịt mắt bầy nó rồi. Hai ông lão bảo thế. Tôi băn khoăn hỏi:

- Các bố làm thế nào đi được?

Hai ông lão cười reo lên:

- Thế nào a? Thế kia kìa...

Trông ra, vẫn chỉ thấy chân núi âm thầm. Nhưng rồi trong bóng sương sớm, màu xanh xám nhúc nhích. Lúc thật rõ, đây là một đàn voi.

Đàn voi có đến mấy chục con. Cứ mười con lại một ông lão ngồi vắt vẻo trên đầu voi. Những con voi phục phịch mà động tác nhanh thoăn thoắt. Vừa đến đã cong vòi lên quắp chúng tôi ra giữa đường. Các ông lão lấy chèo song neo vào hai bên bành voi. Một con voi khiêng và kéo dòng dài được năm cây gỗ lớn. Có cả một lũ voi con nhô nhấp theo mẹ. Voi con chạy loăng quăng cũng hất hất vòi, đi tập kéo gỗ.

Đàn voi ấy vừa đưa một chuyến đụn xuống mặt trận rồi trở về tải gỗ ngay.

Thế là các ông lão dẫn đàn voi, đem chúng tôi đi.

Những vạt cỏ tranh thảo nguyên như những sa mạc xanh, cả ngày đường mới tới trú chân ở một quãng rừng thưa. Đàn voi vác gỗ được nghỉ trang cành lá. Gió núi đưa sóng cỏ đùn đùn từ chân trời nhấp nhô tới, đàn voi và những cây gỗ cũng nhấp nhô lẫn trong sóng cỏ.

Những ông già cưỡi đầu voi chăm chú dõi mắt lên

trời cao nguyên. Khói thuốc ở những chiếc tàu trúc nhả lên, thông thả, như không biết đến đàn máy bay Mỹ vút qua. Chốc chốc, lại nhào xuống. Có khi, một thẳng trình sát thả chỉ điểm lựu đạn khói. Có khi, đàn B.52 ì ì trên cao, tháo bom. Chúng thả bom xuống triền núi ngay bên cạnh, nhưng không phải đường voi đi.

Đêm đến, bom càng dữ. Hơi bom quạt cả cánh rừng rối loạn, nghiêng ngả. Chúng tôi nẩy lên, gieo xuống như có người nhấc. Đàn voi vẫn lững lững bước. Có ánh bom soi đường, các ông lão lừa voi đi suốt đêm. Và, ban đêm cũng như ban ngày, cái điệu trúc cứ lặng lẽ nhả khói. Các ông lão như tượng đá, điềm nhiên ngồi đầu voi, nhìn lên. Không phải ngồi canh chừng máy bay đâu. Chúng ném bom phía nào, các ông lão cũng không buồn quay lại. Bom rơi rung chuyển bốn phía. Ông lão lơ đãng nhìn trời xem mai mưa hay nắng, như thói quen vẫn thế.

Tôi hỏi:

- Máy bay bom thế mà các cụ không cho voi đi ẩn a? Nó trông thấy mình thì sao?

- Có bấy húng bom rồi mà? Ta bấy bom đằng kia kìa! Chúng tôi vẫn chưa hiểu.

Chúng tôi thấy đến mỗi quãng rừng có lối rẽ, thường gặp người đi ra. Như đi làm rẫy, đeo súng đeo gùi và vác rìu.

Các ông lão bảo đấy là du kích đi bấy bom. Câu chuyện thật lạ lùng.

LÀNG BÁC HỒ

Mãi sau mới biết ở triền núi bên kia, đội du kích đã đào hố từng quãng rồi chặt cây ném xuống. Hố ấy thành những lò than rải rác trên đỉnh núi. Trên cao, máy bay đeo tia hồng ngoại tử đi dò hơi nóng. B.52 đến, đêm nào cũng rải bom ùng ùng xuống các hố lửa bẫy bom, như thế.

Rừng núi náo động tiếng bom mà những con voi khuân gỗ vẫn lặng lẽ, hùng hục đi. Đến chỗ có suối, voi dừng uống nước. Qua rừng chuối, voi đứng hẳn lại. Vòi voi huơ lên, vẫy một cái. Cả chiếc hoa chuối, cả buồng chuối, quả xanh quả chín, lọt thỏm vào miệng voi trắng bệch sâu hoắm. No nê rồi voi mới chịu bước tiếp.

Ngày kia, đến bờ một con sông. Nước chảy xiết vào khe đá, tung lên trắng xóa, tiếng réo âm âm.

Tôi hỏi:

- Đây là đâu?

Cụ già tần ngần bảo:

- Đến đây thì chúng tao trở lại.

- Nhưng chúng tôi không biết đường đi một mình.

- Các chú yên trí.

Ông già Cờ Tu đưa mắt một lượt suốt đàn voi đang loay hoay cúi vòi tháo chảo gỗ. Những cây gỗ chúng tôi được voi xếp ngay ngắn một dãy dọc bờ sông.

Ông lão nói:

- Gỗ quý rừng núi ta ơi! Đồng chí Y-bi A-lê-ô đã dặn rồi. Đi tới đâu cũng phải nhớ lời Y-bi, như nhớ bài hát

mẹ dạy từ thuở bé. Hãy nhớ Tây Nguyên của Bok Hồ.

Rồi hai ông già nhắc tẩu thuốc, cất tiếng hát:

Bok Hồ là bếp lửa Tây Nguyên
Bok Hồ là đuốc soi từng khe đá
Đánh Mỹ khó thế nào, Tây Nguyên
vẫn cất tiếng hát

Bok Hồ, Bok Hồ ơi!
Thiếu cơm, đào củ mài
Thiếu muối, đốt cỏ tranh, đốt cây nứa
Thiếu áo quần, đập vỏ cây
Thiếu Bok Hồ, không được.

Các ông lão Cờ Tu và Gia Rai cùng đàn voi đã trở lại rồi. Có đàn voi cùng rong ruổi, chúng tôi thêm bạn. Bây giờ xa thì nhớ lắm.

Nhưng chúng tôi cũng không phải ở lại một mình.

Trong các hốc chân núi, lửa sáng suốt đêm, có nhiều người đến hang đá từ lúc chiều. Một chồng gỗ mới lại đã thấy chất đầy. Toàn gỗ hiếm, những giáng hương, gụ, hương tía... Cả đêm, xung quanh những cây gỗ mới tới, rộn rã tiếng hát tiếng cười.

Sáng ra trông rõ, có các ông lão đưa gỗ tới, tới qua đã vui hát mừng gỗ.

Các ông lão miền này để tóc dài, đeo chiếc nỏ vành cung ba tầng, dây nỏ bằng da cổ bò rừng. Không cầm rìu, không đeo gùi, mỗi người một chiếc dao nhọn giắt bên lưng. Và tay cầm một cây sào dài, không biết lồ ô hay trúc nghiến, từng đốt nổi vân khói bếp vàng óng.

LÀNG BÁC HỒ

Các ông lão vác sào đến quanh những cây gỗ chúng tôi. Chúng tôi hỏi:

- Các cụ đưa chúng tôi đoạn đường này ư?
- Phải, người Pa Kô, người Chu Ru đưa gỗ quý đi đoạn đường này.
- Chưa thấy voi đến.
- Không phải đi đường voi.
- Thế đi đường nào?

Các ông lão trở con sào xuống sông:

- Đường này.
- À.

Thế là chúng tôi lại vào chặng đường mới. Tôi sinh trưởng trong rừng sâu, chưa bao giờ được trông thấy bước đường sông nước lạ lùng thế.

Từng cây gỗ được đưa xuống sông. Mới hôm qua xem dòng nước nhớn như xa lạ với mình, hôm nay đã đi trong nước. Những cây gỗ trôi trôi. Dòng nước quẩn quýt quanh chúng tôi, có lúc vỗ về, có lúc hoan hô, có lúc róc rách trò chuyện. Dòng nước qua các hẻm, các sườn núi, nước chồm lên. Sóng và đá lao nhau cật lực. Cuộc sống dòng nước trên núi náo động, khoáng đạt, hùng vĩ.

Những con cá măng dài hàng sải, trắng ngần, lượn đến, cất giọng hát. Dòng nước và các loài trong suối muốn chúng tôi vui, khuây khoả nỗi đường trường. Dòng nước chưa hiểu tâm sự chúng tôi. Chúng tôi vốn thèm đi. Chúng tôi không vương vấn một nỗi buồn nào.